

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG



TAN CANG OFFSHORE SERVICES

OUR SUCCESS IS DRIVEN BY CUSTOMERS



Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0311638652 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17 tháng 03 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 06 năm 2021

Trụ sở chính : 722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm kinh doanh : 11 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (+84) 8.3914.3982

Website : <https://tancangoffshore.com/>

Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/12/2020: 265.000.000.000 đồng

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Lê Đăng Phúc

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: 028 3914 3982 - ext 143

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0311638652 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17 tháng 03 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 06 năm 2021)

Trụ sở chính : 722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm kinh doanh : 11 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (+84) 8.3914.3982
8.3821.6446

Fax: (+84)

Website : <https://tancangoffshore.com/>



ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng.
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông.
Mã cổ phiếu : TOS
Mệnh giá : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
Vốn điều lệ : 265.000.000.000 (Hai trăm sáu mươi lăm tỷ) đồng.
Tổng số lượng đăng ký giao dịch : 26.500.000 (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn) cổ phiếu.
Tổng giá trị ĐKGD (theo mệnh giá) : 265.000.000.000 (Hai trăm sáu mươi lăm tỷ) đồng.



MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1.	Rủi ro về kinh tế.....	6
2.	Rủi ro về luật pháp.....	8
3.	Rủi ro đặc thù.....	8
4.	Rủi ro khác.....	8
II.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	9
III.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	10
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	10
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty.....	16
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	16
4.	Cơ cấu cổ đông; Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ.....	23
5.	Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng, những Công ty mà Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng.....	24
6.	Hoạt động kinh doanh.....	26
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	34
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	36
9.	Chính sách đối với người lao động.....	37
10.	Chính sách cổ tức.....	39
11.	Tình hình hoạt động tài chính.....	40
12.	Tài sản.....	52
13.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	54
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng.....	55
15.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	55
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty.....	56
IV.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	56
1.	Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị.....	56
2.	Cơ cấu, thành phần của Ban kiểm soát.....	60
3.	Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Ban Tổng giám đốc.....	64
4.	Kế toán trưởng.....	68
5.	Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty.....	70
6.	Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....	70
7.	Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định (các giao dịch liên quan phát sinh trong năm và kỳ gần nhất).....	81
V.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	89
VI.	PHỤ LỤC.....	89

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 1 Bảng tổng hợp quá trình tăng vốn.....	12
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 25/05/2021	23
Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	23
Bảng 4: Danh sách Công ty con của TCO.....	24
Bảng 5: Danh sách Công ty liên kết của TCO.....	25
Bảng 6: Những Công ty mà TCO nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	25
Bảng 7: Cơ cấu doanh thu công ty mẹ	27
Bảng 8: Cơ cấu doanh thu hợp nhất.....	27
Bảng 9: Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2020.....	28
Bảng 10: Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2019 – 2020	29
Bảng 11: Một số máy móc trang thiết bị phương tiện vận tải hiện tại của Công ty	30
Bảng 12: Các Hợp đồng lớn đã và đang thực hiện của Công ty.....	32
Bảng 13: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh Công ty mẹ năm 2019-2020.....	34
Bảng 14: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2019-2020	34
Bảng 15: Cơ cấu lao động đến thời điểm 31/12/2020.....	37
Bảng 16: Bảng tỷ lệ chi trả cổ tức.....	39
Bảng 17: Trích khấu hao tài sản cố định	40
Bảng 18: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước Công ty mẹ	41
Bảng 19: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước Hợp nhất.....	41
Bảng 20: Bảng tổng hợp các quỹ theo luật định Công ty mẹ	41
Bảng 21: Bảng tổng hợp các quỹ theo luật định Hợp nhất.....	42
Bảng 22: Tình hình tổng dư nợ vay	42
Bảng 23: Một số chỉ tiêu về các khoản phải thu Công ty mẹ	45
Bảng 24: Một số chỉ tiêu về các khoản phải thu Hợp nhất.....	46
Bảng 25: Một số chỉ tiêu về các khoản phải trả ngắn hạn Công ty mẹ.....	46
Bảng 26: Một số chỉ tiêu về các khoản phải trả ngắn hạn Hợp nhất.....	47
Bảng 27: Một số chỉ tiêu về hàng tồn kho Công ty mẹ.....	47
Bảng 28: Một số chỉ tiêu về hàng tồn kho Hợp nhất.....	47
Bảng 29: Tình hình đầu tư tài chính Công ty mẹ.....	48
Bảng 30: Tình hình đầu tư tài chính Hợp nhất	48

Bảng 31: Chi phí trả trước Công ty mẹ	48
Bảng 32: Chi phí trả trước Hợp nhất.....	49
Bảng 33: Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ năm 2019 – 2020	50
Bảng 34: Các chỉ tiêu tài chính Hợp nhất năm 2019 - 2020.....	51
Bảng 35: Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2020	52
Bảng 36: Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/03/2021	52
Bảng 37: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Công ty mẹ	53
Bảng 38: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Hợp nhất.....	53
Bảng 39: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức Công ty mẹ năm 2021	54
Bảng 40: Kết quả Quý I/2021	55
Bảng 41: Danh sách thành viên HĐQT.....	56
Bảng 42: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát.....	60
Bảng 43: Danh sách Ban Tổng Giám đốc	65
Bảng 44: Kế toán trưởng	69
Bảng 45: Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....	70
Bảng 46: Giao dịch vay – trả nợ vay.....	81
Bảng 47: Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên chủ chốt năm 2020.....	81
Bảng 48: Giao dịch với các bên liên quan khác với Tập đoàn	83
Bảng 49: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.....	84
Bảng 50: Đầu tư vào công ty liên kết.....	85
Bảng 51: Phải thu các bên liên quan	85
Bảng 52: Phải trả các bên liên quan	87

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

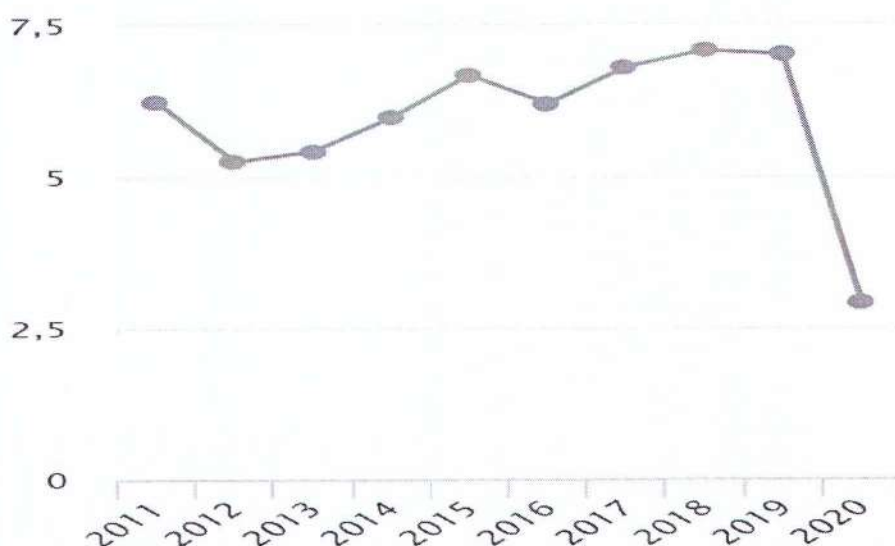
1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Rủi ro tăng trưởng

Tình hình và triển vọng tăng trưởng kinh tế luôn có tác động lớn đến khả năng sản xuất và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng hoạt động trong lĩnh vực cung ứng tàu dịch vụ dầu khí đa năng cũng sẽ gặp phải những rủi ro nếu tình hình kinh tế Việt Nam và Thế Giới có những biến động do những ảnh hưởng của kinh tế lên đặc thù riêng của ngành và lên tầm quan trọng của lĩnh vực hàng hải và dầu khí biển.

Năm 2020 đã chứng kiến nền kinh tế toàn cầu chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch COVID-19. Các biện pháp giãn cách cũng như đóng cửa biên giới đã tạo ra sự đứt gãy lên chuỗi cung ứng toàn cầu cũng như làm tê liệt, đình trệ rất nhiều hoạt động thương mại, dịch vụ và du lịch. Trong khi thu nhập từ các thành phần kinh tế suy giảm đáng kể và tỉ lệ thất nghiệp tăng cao ở cả các quốc gia phát triển, giá dầu và vàng trên thế giới cũng có những biến động mạnh. Các chuyên gia và tổ chức kinh tế cũng dự báo những triển vọng kém lạc quan cho năm 2021, trong bối cảnh mà rủi ro tài chính tăng cao do chính sách nới lỏng tiền tệ và gia tăng nợ công. Tuy không nằm ngoài xu hướng đó, nhưng Việt Nam vẫn là điểm sáng hiếm hoi trong khu vực kiểm soát tốt dịch bệnh và ổn định được tình hình kinh tế, tài chính để đạt được mức tăng trưởng GDP 2,9% trong năm 2020 và được dự báo sẽ tiếp đà tăng trưởng trong năm 2021.

Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm (%)



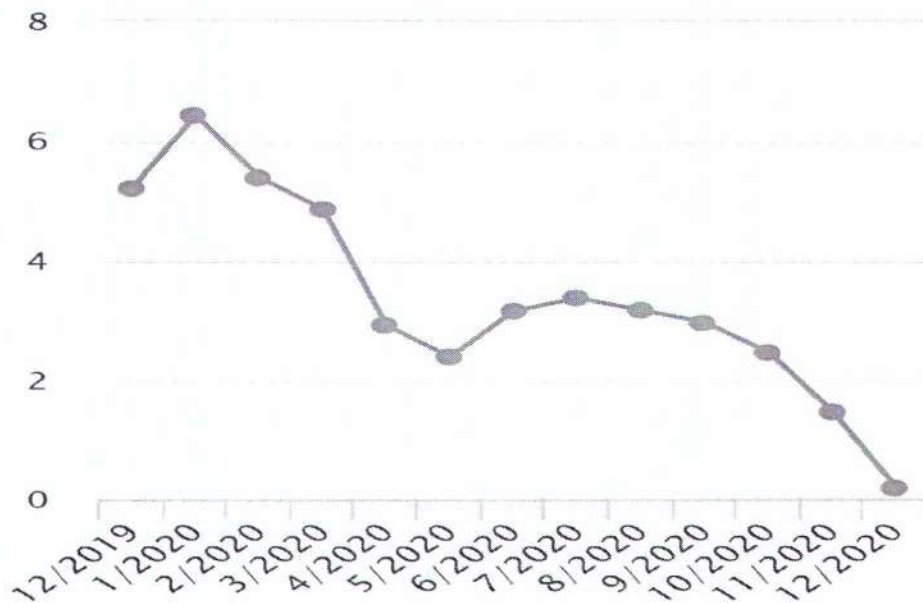
Nguồn: GSO

Với bối cảnh trên, Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng vẫn sẽ phải đối mặt với các rủi ro từ sự bất ổn của kinh tế thế giới do những diễn biến của dịch bệnh vẫn chưa được kiểm soát hoàn toàn. Hoạt động thương mại, vận chuyển, khai thác, xây dựng trên biển cũng vì thế mà sẽ gặp nhiều khó khăn và tiềm ẩn những rủi ro về nhiều mặt cho Công ty

1.2. Rủi ro lạm phát

Với tình hình kinh tế vĩ mô chung bất ổn, rủi ro về lạm phát sẽ tăng và nguy cơ giá hàng hóa tăng có thể ảnh hưởng đến khả năng cung ứng dịch vụ của Công ty cũng như cung và cầu chung trên thị trường. Chỉ số giá tiêu dùng CPI 2020 tăng 3,23% so với năm 2019, diễn biến theo xu hướng giảm dần về cuối năm. IMF đưa ra dự báo lạm phát Việt Nam sẽ tăng theo hướng tích cực trong năm 2021 cùng với đà hồi phục và tăng trưởng kinh tế. Song, Công ty vẫn sẽ hết sức thận trọng với những diễn biến giá cả trên thị trường.

CPI Việt Nam năm 2020 (%)



Nguồn: GSO

1.3. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là không thể tránh khỏi đối với hầu hết các doanh nghiệp do kênh huy động vốn vay là một trong những nguồn cung vốn quan trọng với cả nền kinh tế cũng như các doanh nghiệp.

Năm 2020, chính sách nới lỏng tiền tệ để hỗ trợ nền kinh tế của Chính phủ và Ngân Hàng Nhà Nước đã khiến mặt bằng lãi suất huy động tiền gửi của tất cả các tổ chức tín dụng đều giảm đáng kể từ thấp nhất là khoảng 4,5% cho đến gần 7%. Cùng với đó, mức lãi suất cho vay đầu ra của các ngân hàng có thể dao động từ 9,5% cho tới trên 11% đối với các khoản vay trung dài hạn; trong khi lãi suất cho vay ngắn hạn sẽ ngang bằng lãi suất huy động các kỳ hạn cao nhất của ngân hàng. Năm 2021 được dự báo sẽ là một năm chính sách tiền tệ được định hướng điều chỉnh linh hoạt, bám sát diễn biến trong và ngoài nước cũng như diễn biến của tình hình dịch bệnh, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Trước tình hình trên, Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng vẫn sẽ phải đối mặt với rủi ro đáng kể nếu có biến động về lãi suất do một lượng lớn các khoản vay từ ngắn đến dài

hạn của Công ty và do nhu cầu sở hữu số lượng tài sản cố định lớn là các phương tiện tàu thuyền, dụng cụ biển.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có sự ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều tạo ra những tác động nhất định đến hoạt động của công ty.

Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ cảng biển và là công ty đại chúng nên Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng là đối tượng áp dụng của các bộ Luật và văn bản dưới Luật liên quan như Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật Chứng Khoán 54/2019/QH14 cùng có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, Bộ Luật Hàng Hải Việt Nam,... Nước ta đang mở rộng xu thế hội nhập kinh tế thế giới, mở ra nhiều cơ hội hợp tác với các quốc gia thông qua các hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực từ ngày 14/01/2019, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) có hiệu lực từ ngày 01/08/2020 đã tác động tích cực trong việc thúc đẩy thương mại quốc tế. Tuy nhiên, doanh nghiệp cũng phải đối mặt với những rủi ro pháp lý khi phải đáp ứng những yêu cầu, tiêu chuẩn khắt khe từ phía đối tác, tuân theo luật pháp và các hiệp định. Công ty luôn giữ tâm thế chủ động trong việc cập nhật liên tục các quy định pháp luật mới và tham khảo cùng các tổ chức tư vấn pháp luật nhằm giảm thiểu rủi ro về mặt pháp luật, tránh các vi phạm gây ảnh hưởng tới quá trình hoạt động, vị thế và uy tín của công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Hoạt động kinh doanh của công ty bị ảnh hưởng bởi tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Việc mở rộng hợp tác kinh tế và thương mại tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu và tạo cơ hội tiếp cận nguồn khách hàng lớn, tạo ra nguồn doanh thu cao. Tuy nhiên, điều này cũng tạo ra nhiều thách thức đến công ty khi xuất hiện thêm các đối thủ cạnh tranh.

Với đặc thù ngành nghề hoạt động cung cấp dịch vụ nên ít có sự khác biệt giữa các doanh nghiệp trong ngành, tạo ra áp lực cạnh tranh về giá để giành lấy thị phần. Chính những điều này đã tạo ra những khó khăn nhất định cho ngành cung cấp dịch vụ cảng biển ở Việt Nam nói chung và Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng nói riêng. Để hạn chế rủi ro, doanh nghiệp thực hiện ký kết các hợp đồng trong khả năng đàm phán có thể, tích cực mở rộng thêm các đối tác đầu ra lớn và tăng giá trị hợp đồng với các đối tác hiện tại vì nhu cầu các đối tác lớn đầu ra hiện tại của doanh nghiệp vẫn còn nhiều tiềm năng để tăng trưởng.

4. Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro đã được trình bày, Công ty còn phải đối mặt với những rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, rủi ro sự cố trong quá trình vận hành,...những yếu tố rủi ro khách quan nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty. Những rủi ro này không thể loại trừ nhưng hoàn toàn có thể được hạn chế bằng các biện pháp như Công ty thường xuyên thu thập, nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình tự nhiên, kinh tế, chính trị và xã

hội của Việt Nam cũng như các nước lân cận để lên kế hoạch điều hành Công ty một cách tối ưu, phù hợp với nhu cầu của thị trường, nâng cao ý thức lao động trong công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động trong quá trình lao động.


II. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

BCTC	Báo cáo tài chính
Công ty	Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng
Cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng
CTCP	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng
Điều lệ	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng
HDQT	Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng
Tổ chức ĐKGD	Công ty Cổ phần Dịch Vụ Biển Tân Cảng
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)
Tổ chức kiểm toán	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C Co.Ltd)
TSCĐ	Tài sản cố định
Công ty TNHH	Công ty Trách nhiệm hữu hạn
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VĐL	Vốn điều lệ
VND	Việt Nam đồng

III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về công ty đăng ký giao dịch

- Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng.
- Tên tiếng Anh : Tan Cang Offshore Service Joint Stock Company.
- Tên giao dịch viết tắt : TAN CANG OFFSHORE.
- Logo của Công ty 
- Địa chỉ : Số 722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Địa điểm kinh doanh : 11 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : 84 28.3914.3982
- Fax : 84 28.3821.6446
- Website : <https://tancangoffshore.com/>
- Vốn điều lệ đăng ký : 265.000.000.000 (Hai trăm sáu mươi lăm tỷ) đồng.
- Vốn điều lệ thực góp : 265.000.000.000 (Hai trăm sáu mươi lăm tỷ) đồng.
- Người đại diện pháp luật thứ nhất: Ông Lê Đăng Phúc – Tổng Giám đốc Công ty
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311638652 Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17 tháng 03 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 06 năm 2021.
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

Mã	Ngành nghề
0910	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên Chi tiết: Hoạt động dịch vụ thăm dò dầu khí; Khoan định hướng, đào lớp ngoài; Sửa chữa và tháo dỡ trang thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Trát bờ giếng, bơm giếng, bịt giếng, hủy giếng, thăm dò giếng khoan, giếng dầu; Dịch vụ bơm và tháo nước theo hợp đồng; Khoan thử kết hợp với thăm dò dầu khí.
7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật chi tiết: Hoạt động kiểm tra, thăm dò các công trình ngầm dưới đất, dưới nước; Cung cấp dịch vụ lặn; Quay camera, chụp hình thân tàu, chân đế giàn khoan, cầu bến, đường ống dẫn dầu, dẫn khí, dẫn nước, cáp ngầm. Lặn hàn cắt dưới nước, trục vớt tàu thuyền và các phương tiện đường thủy
5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương: kéo cứu hộ đại dương; cung ứng, quản lý, khai thác tàu dịch vụ dầu khí. - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa: dịch vụ tàu lai dắt hỗ trợ trong cảng.

5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Hoạt động giao nhận hàng hóa. Dịch vụ cầu, nâng hạ hàng hóa. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.
5224 (chính)	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).

1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá : 10.000 (mười nghìn) đồng/ cổ phần.
- Mã chứng khoán : TOS.
- Tổng số chứng khoán ĐKGD : 26.500.000 (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn) cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch : Không có
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: tuân theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán. Hiện tại, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tối đa là 0%. Công ty đã thực hiện thông báo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa và đã nhận được văn bản trả lời số 2849/UBCK-PTTT ngày 14/06/2021 của UBCKNN về hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của CTCP Dịch vụ biển Tân Cảng.
- Tại thời điểm ngày 25/05/2021, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng là 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ).

1.3 Quá trình hình thành, phát triển

Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng, gọi tắt là (TCO) là đơn vị trực thuộc Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (TCT TCSG) vốn là một đơn vị có thế mạnh khai thác các cảng biển container lớn trên toàn quốc với thị phần lên đến trên 50% cả nước. Công ty TCO được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311638652 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 03 năm 2012, với vốn điều lệ là 91,5 tỷ đồng với 3 cổ đông sáng lập là Công ty TNHH Một Thành Viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (Đại diện vốn góp là ông Ngô Trọng Phần), Công ty Cổ phần Hàng Hải Á Châu (Đại diện ông Nguyễn Sơn) và ông Lê Đăng Phúc. Ngành nghề kinh doanh chính là hoạt động dịch vụ cho ngành dầu khí, đặc biệt là thị trường dịch vụ ngoài khơi, vốn là một trong những trụ cột kinh doanh chính của TCT TCSG. Các lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không), (i) Dịch vụ tàu dịch vụ dầu khí đa năng và tàu bảo vệ hỗ trợ các chiến dịch khảo sát ngoài khơi, (ii) Dịch vụ tàu lai tại cảng (iii) Dịch vụ cứu hộ trên biển (iv) Dịch vụ vận chuyển các công trình biển bằng tàu kéo và sà lan (v) Dịch vụ khảo sát các công trình ngầm. Trong đó, lấy dịch vụ cung

ứng tàu dịch vụ dầu khí đa năng làm then chốt và nền tảng, hướng đến mục tiêu trở thành một trong những đơn vị cung cấp dịch vụ cho ngành dầu khí hàng đầu Việt Nam và khu vực.

Ngày 15/12/2020, Công ty được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận công ty đại chúng theo công văn số 7342/UBCK-GSĐC.

Ngày 28/04/2021, Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán theo công văn số 20/2021/GCNCP – VSD, mã chứng khoán là TOS, số lượng chứng khoán đăng ký: 26.500.000 cổ phiếu (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn cổ phiếu).

1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ

Kể từ khi thành lập, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ số vốn ban đầu 91.500.000.000 (Chín mươi một tỷ năm trăm triệu) đồng lên 265.000.000.000 (Hai trăm sáu mươi lăm tỷ) đồng. Chi tiết việc tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

Bảng 1. Bảng tổng hợp quá trình tăng vốn

Đơn vị: triệu đồng

Lần	Thời gian	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Thành lập Công ty	Tháng 03/2012		91.500	Góp vốn thành lập Công ty (03 cổ đông)	Giấy CNĐKKD số 0311638652 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/03/2012.
Lần 1	Tháng 09/2012	58.500	150.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu (05 cổ đông)	- Biên bản ĐHĐCĐ số 02/2012/BB-ĐHĐCĐ ngày 14/08/2012 về việc Tăng vốn điều lệ Công ty từ 91,5 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng. - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2012/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 14/08/2012 về việc Tăng vốn điều lệ Công ty từ 91,5 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng. - Giấy CNĐKKD số 0311638652 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp

					thay đổi lần thứ 1 ngày 07/09/2012.
Lần 2	Tháng 04/2015	100.000	250.000	<p>-Phát hành cổ phiếu tăng vốn bằng nguồn lợi nhuận để lại từ các năm 2012 đến hết quý I/2015;</p> <p>-Phát hành cho Bà Nguyễn Kim Dung mua cổ phần phát hành thêm bằng mệnh giá với tổng giá trị theo mệnh giá là 5.000.000.000 VNĐ (06 cổ đông)</p>	<p>- Biên bản ĐHĐCĐ số 02/2015/BB-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2015 về việc Tăng vốn điều lệ Công ty từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng.</p> <p>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2015/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2015 về việc Tăng vốn điều lệ Công ty từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng.</p> <p>- Quyết định số 02/2015/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 05/05/2015.</p> <p>- Giấy CNĐKKD số 0311638652 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 13/06/2015.</p>
Lần 3	Tháng 04/2016	15.000	265.000	<p>Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. (07 cổ đông)</p>	<p>- Biên bản ĐHĐCĐ số 02/2016/BB-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2016 về việc Tăng vốn điều lệ Công ty từ 250 tỷ đồng lên 265 tỷ đồng.</p> <p>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2016/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2016 về việc Tăng vốn điều lệ Công ty từ 250 tỷ đồng lên 265 tỷ đồng.</p> <p>- Giấy CNĐKKD số 0311638652 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp</p>

					thay đổi lần thứ 6 ngày 27/04/2016.
--	--	--	--	--	--

Nguồn: CTCP Dịch vụ biển Tân Cảng

Lần 1: Tăng vốn điều lệ từ 91,5 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng

- Vốn điều lệ ban đầu: 91.500.000.000 (Chín mươi một tỷ năm trăm triệu) đồng (tương đương 9.150.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).
- Số vốn tăng thêm: 58.500.000.000 (Năm mươi tám tỷ năm trăm triệu) đồng (tương đương 5.850.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).
- Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Giá phát hành: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần.
- Đối tượng phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu.
- Số lượng cổ đông góp vốn: 05 (năm) cổ đông.
 - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Công ty CP đầu tư dầu khí Việt Nam
 - Công ty Cổ phần Hàng Hải Á Châu
 - Lê Đăng Phúc
 - Võ Đắc Thiệu
- Mục đích tăng vốn: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh

Lần 2: Tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng

- Vốn điều lệ ban đầu: 150.000.000.000 (Một trăm năm mươi tỷ) đồng (tương đương 15.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).
- Số vốn tăng thêm: 100.000.000.000 (Một trăm tỷ) đồng (tương đương 10.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).
- Hình thức tăng vốn:
 - Phát hành cổ phiếu tăng vốn bằng nguồn lợi nhuận để lại từ các năm 2012 đến hết quý I/2015 cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị theo mệnh giá tăng thêm là 95.000.000.000 đồng.
 - Phát hành cho Bà Nguyễn Kim Dung mua cổ phần phát hành thêm bằng mệnh giá với tổng giá trị theo mệnh giá là 5.000.000.000 VNĐ
- Đối tượng phát hành:
 - Cổ đông hiện hữu
 - Bà Nguyễn Kim Dung
- Số lượng cổ đông góp vốn: 06 (sáu) cổ đông.
 - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn

- Công ty CP đầu tư dầu khí Việt Nam
- Công ty Cổ phần Hàng Hải Á Châu
- Lê Đăng Phúc
- Võ Đắc Thiệu
- Bùi Kim Dung

- Mục đích tăng vốn: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh

Lần 3: Tăng vốn điều lệ từ 250 tỷ đồng lên 265 tỷ đồng

- Vốn điều lệ ban đầu: 250.000.000.000 (Hai trăm năm mươi tỷ) đồng (tương đương 25.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).
- Số vốn tăng thêm: 15.000.000.000 (Mười lăm tỷ) đồng (tương đương 1.500.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).
- Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu.
- Số lượng cổ đông góp vốn: 07 (bảy) cổ đông.
 - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Công ty CP đầu tư dầu khí Việt Nam
 - Công ty Cổ phần Hàng Hải Á Châu
 - Lê Đăng Phúc
 - Võ Đắc Thiệu
 - Bùi Kim Dung
 - Phan Trường Minh

- Mục đích tăng vốn: : Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh

1.5 Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng và ngày Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận Đăng ký chứng khoán

- ✓ Ngày Công ty đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng

Tính đến ngày 08/05/2019, Công ty đã có đủ trên 100 cổ đông đã đáp ứng đủ điều kiện là công ty đại chúng. Ngày 15/12/2020 UBCKNN đã có công văn số 7342/UBCK-GSĐC về việc trở thành công ty đại chúng của công ty.

Cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng:

Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn	Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn	Tỷ lệ (%)
156	17.150.800	64,72%

Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng

- ✓ Ngày UBCKNN chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng: 15/12/2020 theo Công văn số 7342/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

✓ Ngày Công ty được VSD cấp Giấy chứng nhận Đăng ký chứng khoán

Ngày 28/04/2021, Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng chính thức được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 20/2021/GCNCP-VSD. Theo đó, số lượng chứng khoán đăng ký là 26.500.000 (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn) cổ phiếu với mã chứng khoán là TOS.

1.6 Quá trình mua, bán cổ phiếu quỹ kể từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần

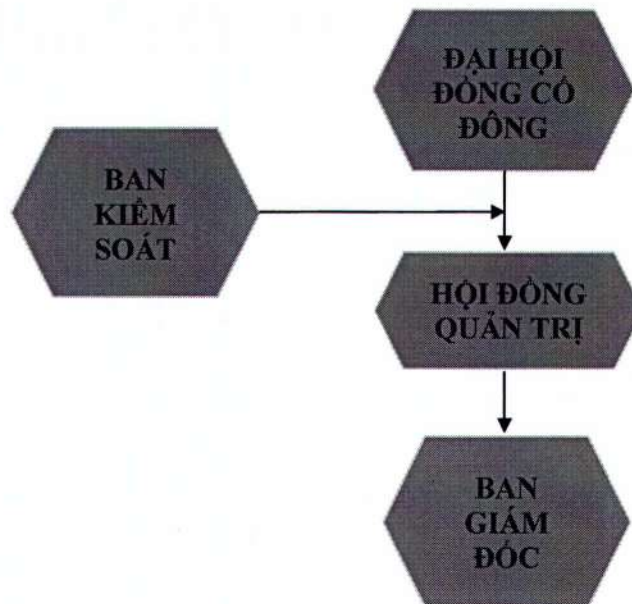
Kể từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty chưa tiến hành mua, bán cổ phiếu quỹ.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty có trụ sở chính đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh:

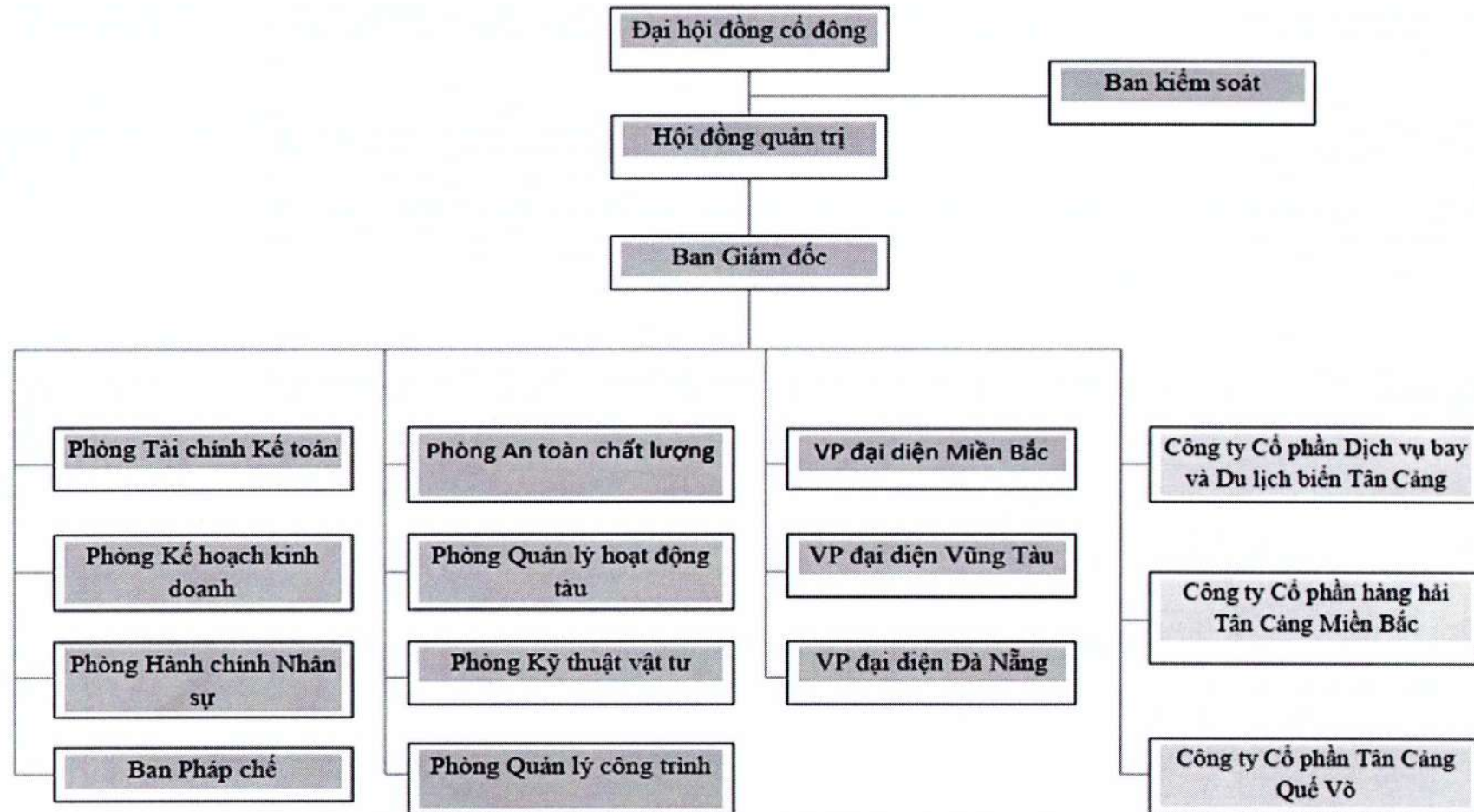
Địa chỉ trụ sở chính: Số 722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Địa điểm kinh doanh: 11 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.



Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty.

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên họp mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính

❖ **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

❖ **Ban Kiểm soát**

Số lượng Kiểm soát viên của Công ty từ ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc quyết định thuê một (01) người khác làm Tổng Giám đốc thông qua việc ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Nhiệm kỳ Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

❖ **Phòng Tài chính - Kế toán**

Phòng Tài chính kế toán có chức năng quản lý, kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện hạch toán sổ sách, kế toán cho Công ty; chịu trách nhiệm thu xếp các nguồn lực tài chính cho Công ty. Phòng tài chính kế toán hoạt động theo quy định của pháp luật và có trách nhiệm với các hoạt động thuộc lĩnh vực tài chính – kế toán của Công ty. Nhiệm vụ của phòng bao gồm các công việc như sau:

- ✓ Đối với công tác kế toán
 - Thực hiện công tác hạch toán sổ sách kế toán, thống kê của Công ty đảm bảo chính xác, phản ánh đúng hoạt động của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Kiểm tra và hướng dẫn nghiệp vụ cho các bộ phận kế toán tại các đơn vị trực thuộc của Công ty; đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành chế độ báo cáo kế toán thống kê của các đơn vị trực thuộc, thực hiện báo cáo các cơ quan hữu quan khi có yêu cầu;
 - Soát xét các hồ sơ thanh, quyết toán; lập chứng từ, thực hiện thanh toán đảm bảo phù hợp quy định, đúng và đầy đủ các nội dung yêu cầu;

- Quyết toán các loại thuế của Công ty và Người lao động;
- Chủ trì xây dựng các Quy chế, quy trình, quy định, các biểu mẫu liên quan đến việc tạm ứng, thanh, quyết toán để áp dụng trong toàn Công ty và phổ biến đến người lao động.
- ✓ Đối với công tác tài chính
 - Đảm bảo nguồn vốn đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của Công ty;
 - Xây dựng phương án đầu tư, phân tích hiệu quả kinh tế của các dự án, công trình và sản phẩm của Công ty;
 - Cân đối kế hoạch tài chính của Công ty, điều hoà các loại vốn trong Công ty; xây dựng quan hệ với các tổ chức, cá nhân để tạo nguồn vốn phục vụ kịp thời cho sản xuất kinh doanh khi có nhu cầu;...
 - Các nhiệm vụ khác theo sự phân công, chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Kế toán trưởng hiện tại của Công ty là ông Vũ Quang Tiến.

❖ **Phòng Hành chính nhân sự**

Phòng Hành chính – Nhân sự chịu trách nhiệm về công tác Hành chính – Nhân sự của Công ty.

Cụ thể:

- ✓ Quản lý, triển khai thực hiện, tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc về công tác nhân sự, phát triển nguồn nhân lực của Công ty;
- ✓ Quản lý, triển khai thực hiện, tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc về chế độ, chính sách tiền lương của Công ty;
- ✓ Quản lý, triển khai thực hiện, tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc về công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật của Công ty;
- ✓ Quản lý, triển khai thực hiện, tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc công tác hành chính, hậu cần của Công ty.

Nhiệm vụ của Phòng Hành chính – Nhân sự liên quan đến các công tác nhân sự, phát triển nguồn nhân lực (Quản lý, thực hiện các công việc liên quan đến xây dựng định biên nhân sự, tuyển dụng, thuê dịch vụ lao động, hợp đồng lao động, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm người lao động của Công ty;...); Công tác chế độ, chính sách tiền lương (Quản lý, triển khai thực hiện chi trả đầy đủ, kịp thời tiền lương, các khoản thu nhập khác theo chế độ, chính sách cho người lao động Công ty;...); Công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật (Chủ trì, phối hợp với các Đơn vị xây dựng các tiêu chí đánh giá khen thưởng, kỷ luật người lao động;...); Công tác Hành chính – Hậu cần.

❖ **Phòng Kế hoạch Kinh doanh**

Phòng Kế hoạch Kinh doanh có chức năng tiếp thị; cung ứng các sản phẩm, dịch vụ của

Công ty cho khách hàng; Xây dựng phương án kinh doanh định kỳ hàng quý, hàng năm; tổ chức thực hiện công tác chào giá, đấu thầu, đàm phán, ký kết hợp đồng với khách hàng để đạt được mục tiêu kinh doanh đề ra.

Nhiệm vụ của phòng Kế hoạch Kinh doanh liên quan đến các công tác tiếp thị, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ (Xây dựng kế hoạch, chiến lược marketing định kỳ hàng quý, hàng năm để tiếp thị các sản phẩm, dịch vụ ra thị trường trong và ngoài nước;...), Công tác xây dựng phương án kinh doanh hàng quý, hàng năm; tổ chức thực hiện công tác chào giá, đấu thầu, đàm phán, và ký kết hợp đồng (Xây dựng kế hoạch hoạt động cho các phương tiện, kế hoạch kinh doanh trong lĩnh vực được giao định kỳ hàng quý, hàng năm;...).

❖ **Ban pháp chế**

Ban pháp chế có chức năng Tham mưu, tư vấn và thực hiện các thủ tục pháp lý phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật (Thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Công ty;...), soát xét các hợp đồng của các Đơn vị trong hệ thống về vấn đề tuân thủ hệ thống quản lý nội bộ của Công ty và tuân theo quy định của pháp luật, cơ quan quản lý nhà nước (Kiểm tra, soát xét các Hợp đồng, Thỏa thuận khác cho các giao dịch của Công ty theo yêu cầu, chỉ đạo từ Ban Tổng Giám đốc hoặc theo yêu cầu hỗ trợ từ các Đơn vị của Công ty;...), tham mưu xây dựng hệ thống văn bản quản lý nội bộ của Công ty; kiểm tra, giám sát tính tuân thủ hệ thống quản lý nội bộ của Công ty; chủ trì mua bảo hiểm các tài sản của Công ty, do Công ty quản lý, sử dụng; xử lý các loại tổn thất và các nghiệp vụ bảo hiểm có liên quan.

❖ **Phòng Quản lý Hoạt động tàu**

Phòng Quản lý hoạt động tàu phụ trách các vấn đề liên quan đến quản lý hoạt động của đội tàu, bao gồm các tàu thuộc sở hữu của Công ty và các tàu được Công ty thuê.

Phòng Quản lý hoạt động tàu có nhiệm vụ Duy trì sự hoạt động tốt của đội tàu, đảm bảo điều động tàu theo đúng các Hợp đồng đã được ký kết với đối tác; Phối hợp với các Phòng Kỹ thuật – Vật tư, giải quyết các vấn đề về kỹ thuật mà liên quan đến bảo dưỡng của tàu và hiệu quả của chuyến đi; Giao tiếp với người thuê, cho thuê tàu, đảm bảo rằng họ hài lòng với hoạt động của tàu; theo sát chuyến hành trình ở tất cả các giai đoạn cho đến khi hoàn thành hợp đồng cho thuê và đảm bảo rằng không có sự chậm trễ phát sinh và người thuê hài lòng với hiệu suất của tàu; Cung cấp các thông tin hỗ trợ cho Thuyền trưởng liên quan đến các vấn đề về khai thác và phòng tránh rủi ro; Thực hiện hoặc chỉ định và hướng dẫn các đại lý thực hiện các thủ tục để tàu ra vào cảng, xuất cảnh, nhập cảnh cho tàu hoặc các thủ tục hành chính khác đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của tàu; Đảm bảo và cung cấp nhiên liệu, và nhu yếu phẩm khác đầy đủ cho các tàu và kiểm tra các tiến độ giải ngân, thanh toán và làm theo các quy trình thanh toán; Xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu cho từng tàu và kế hoạch sử dụng nhiên liệu cho đội tàu hằng tháng, quý, năm.

❖ **Phòng An toàn – Chất lượng**

Phòng An toàn – Chất lượng phụ trách các vấn đề liên quan đến an toàn, an ninh, chất lượng của toàn hệ thống.

Nhiệm vụ của phòng An toàn – Chất lượng liên quan đến các công tác An toàn – Chất lượng (Tổ chức kiểm tra định kỳ an toàn tàu, bảo dưỡng tàu đúng kế hoạch đảm bảo các thiết bị do phòng quản lý luôn trong tình trạng tốt, đầy đủ, sẵn sàng cho việc sử dụng; đảm bảo an toàn hàng hải cho tàu và thuyền viên;...).

❖ **Phòng Kỹ thuật – Vật tư**

Phòng Kỹ thuật – Vật tư có chức năng Kiểm soát các hoạt động kỹ thuật, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị, tàu trong quá trình khai thác; Đảm bảo cung ứng vật tư thiết bị cho hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa.

Nhiệm vụ của phòng Kỹ thuật – Vật tư bao gồm các công việc: Tổ chức thực hiện một cách có kế hoạch và hiệu quả hệ thống bảo dưỡng, sửa chữa đội tàu Công ty; Tổ chức xây dựng mạng lưới nhà cung cấp và thực hiện đánh giá các nhà cung cấp nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng vật tư, thiết bị, tiết kiệm chi phí cho hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa; Quản lý toàn bộ hồ sơ, giấy tờ, chứng chỉ, bản vẽ, thiết kế của các tàu, nhằm đảm bảo công tác bảo dưỡng, sửa chữa, mua sắm vật tư chính xác phù hợp;...

❖ **Phòng quản lý công trình**

Phòng quản lý công trình có nhiệm vụ quản lý số lượng, chất lượng, chủng loại và tính đồng bộ của cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại cảng; theo dõi thường xuyên, thống kê, phân tích các tình trạng của phương tiện, trang thiết bị, thực hiện công tác bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thiết bị đảm bảo an toàn, hiệu quả.; Triển khai thực hiện và báo cáo các hoạt động an toàn lao động, vệ sinh môi trường, an toàn hàng hải, an ninh cảng biển; Lập kế hoạch công tác kỹ thuật hằng năm và tổ chức công tác đăng ký, thống kê, báo cáo kỹ thuật theo quy định của Công ty và pháp luật liên quan; Xây dựng kế hoạch sản xuất trực tiếp, chủ động tổ chức thực hiện kế hoạch theo Phê duyệt của Công ty; Đảm bảo an toàn cho người và trang thiết bị kỹ thuật, môi trường cảng; chịu trách nhiệm xử lý các sự cố xảy ra liên quan môi trường, lao động, hàng hải.

❖ **Văn phòng đại diện**

Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của Công ty, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Công ty và bảo vệ các lợi ích của Công ty tại địa bàn được giao phụ trách.

Các văn phòng đại diện của Công ty có chức năng tiếp thị, khảo sát, thăm dò thị trường và thực hiện một số hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ công tác cho các đơn vị tại địa bàn được phân công.

Các văn phòng đại diện có nhiệm vụ: Thực hiện công việc liên quan đến việc hỗ trợ phát triển các hoạt động kinh doanh trên địa bàn hoạt động theo pháp luật hiện hành; Thực hiện công tác tiếp thị thúc đẩy, mở rộng các quan hệ hợp tác đầu tư, kinh tế, thương mại giữa Công ty và các đối tác của Công ty trong khu vực; Thực hiện công tác khảo sát, thăm dò thị trường để Công ty, chi nhánh cung cấp sản phẩm, dịch vụ;...



❖ Công ty con

Các Công ty con/Công ty thành viên của Công ty hoạt động theo Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của từng Công ty.

4. Cơ cấu cổ đông; Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

4.1. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 25/05/2021

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài			
1	Trong nước	157	26.500.000	100%
1.1	Nhà nước	-	-	-
1.2	Tổ chức	1	9.349.200	35,28%
1.3	Cá nhân	156	17.150.800	64,72%
2	Nước ngoài	0	0	0%
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	-	-	-
2.2	Cá nhân	-	-	-
	Tổng cộng	157	26.500.000	100%
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác	-	-	-
1	Cổ đông lớn	1	9.349.200	35,28%
2	Cổ đông khác	156	17.150.800	64,72%
	Tổng cộng	157	26.500.000	100%

Bảng 2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 25/05/2021

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 25/05/2021 CTCP Dịch vụ biển Tân Cảng

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 25/05/2021

Bảng 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Họ tên	CMND/ GCNĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
-----	--------	------------------	---------	------------	-----------

1	Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	0300514849	722 Điện Biên Phủ, P.22, Q. Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	9.349.200	35,28
Tổng cộng				9.349.200	35,28

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 25/05/2021 CTCP Dịch vụ biển Tân Cảng

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó”. Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311638652 ngày 17/03/2012. Do vậy, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật doanh nghiệp.

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng, những Công ty mà Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng

- Danh sách Công ty mẹ của tổ chức đăng ký giao dịch, Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch: *Không có.*
- Danh sách Công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, Công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Bảng 4. Danh sách Công ty con của TCO

STT	Công ty con	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ nắm giữ
1	CTCP Dịch vụ Bay và Dịch vụ biển Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống; cho thuê máy móc thiết bị	51%
2	CTCP Tân Cảng Kiên Giang	39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	60%
3	CTCP Hàng hải Tân Cảng Miền	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường	54%

	Bắc	Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	thuyền	
4	CTCP Cung ứng TCOTS – Cát Lái (*)	162/24 Đường 42 Khu phố 5, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động bán hàng siêu thị, cung cấp dịch vụ ăn uống	51%

(*) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng.

- Danh sách Công ty liên kết:

Bảng 5. Danh sách Công ty liên kết của TCO

STT	Công ty con	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ nắm giữ
1	CTCP Du lịch và Giải trí Sài Gòn Today	40D1 Cư xá 307, đường Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ liên quan đến đại lý du lịch, lữ hành	20%
2	CTCP Tân Cảng Quế Võ	Thôn Kiều Lương, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Hoạt động dịch vụ liên quan đến khai thác và thu gom than cứng	40%

- Danh sách Công ty mà TCO nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Bảng 6: Những Công ty mà TCO nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

STT	Công ty con	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ nắm giữ
1	CTCP Dịch vụ Bay và Dịch vụ biển Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống; cho thuê máy móc thiết bị	51%
2	CTCP Tân Cảng Kiên Giang	39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	60%
3	CTCP Hàng hải	722 Điện Biên Phủ,	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ	54%

	Tân Cảng Miền Bắc	Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	trực tiếp cho vận tải đợng thủy	
4	CTCP Cung ứng TCOTS – Cát Lái	162/24 Đường 42 Khu phố 5, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	Hoạt đợng bán hàng siêu thị, cung cấp dịch vụ ăn uống	51%

6. Hoạt đợng kinh doanh

6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

6.1.1. Sản phẩm, dịch vụ

Hiện nay các hoạt đợng kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Dịch vụ ngoài khơi
- Dịch vụ cho thuê tài sản
- Dịch vụ khảo sát ngầm
- Dịch vụ hỗ trợ điện gió ngoài khơi
- **Sản phẩm dịch vụ của TCO:**
 - **Cung cấp tàu dịch vụ dầu khí:** Công ty tự hào sở hữu một trong những đội tàu hiện đại nhất Việt Nam bao gồm các tàu dịch vụ hiện đại như tàu dịch vụ đa năng AHTS và PSV sở hữu hệ thống định vị đợng học (DP1, DP2) hiện đại, tàu trục mỏ, tàu trục an ninh, tàu bảo vệ, v.v. đợc vận hành bởi đội ngũ thuyền viên có năng lực đạt tiêu chuẩn quốc tế, nhiều kinh nghiệm và có uy tín cao tại Việt Nam nói riêng cũng như khu vực nói chung. Ngoài đội tàu hiện tại đa dạng về tính năng và công suất, Công ty TCO còn hợp tác với nhiều chủ tàu, đối tác trong và ngoài nước. Chúng tôi tự tin cung cấp và đáp ứng đầy đủ các nhu cầu về dịch vụ tàu chuyên dụng cho hoạt đợng thăm dò và khai thác dầu khí tại Việt Nam và trong khu vực một cách hiệu quả nhất.
 - **Dịch vụ lai dất, cứu hộ trên biển 24/7:** TCO sở hữu đội ngũ chuyên gia, thuyền trưởng và thuyền viên chuyên biệt, luôn túc trực 24/7 nhằm sẵn sàng tiến hành bất kì hoạt đợng cứu hộ trên biển nào khi có yêu cầu. TCO thực hiện các hoạt đợng cứu hộ khẩn cấp, di dời xác tàu, ứng phó sự cố môi trường ngoài khơi trên toàn bộ địa phận lãnh hải Việt Nam và khu vực lân cận. Chúng tôi có đội chuyên gia về: cứu hỏa tàu, cảng biển; cứu hộ tàu chết máy; cứu hộ tàu mắc cạn; dịch vụ lặn, trục vớt cứu hộ; di dời xác tàu; ứng phó sự cố tràn dầu, hóa chất;...
 - **Dịch vụ khảo sát công trình ngầm:** Công ty hiện là một trong những đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm để triển khai đồng bộ các dịch vụ khảo sát ngầm một cách toàn diện

Doanh thu thuần theo Nhóm Dịch vụ	Năm 2019	Năm 2020	Quý I/2021
-----------------------------------	----------	----------	------------

và hiệu quả và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như: dịch vụ hỗ trợ khoan khai thác; khảo sát sóng âm trên diện rộng; dịch vụ rải, bảo dưỡng ống, cáp đa kích thước;...

- **Dịch vụ hỗ trợ điện gió ngoài khơi:** Với tiềm lực hiện tại của TCO, chúng tôi đã và đang liên tục hỗ trợ cho các hoạt động xây dựng dự án điện gió ngoài khơi của các nhà đầu tư và chủ dự án tại Việt Nam một cách hiệu quả tối ưu nhất với chi phí thấp nhất.

Công ty đã không ngừng phát triển và sáng tạo để có thể tận dụng công nghệ, phương tiện và lao động có sẵn trong lĩnh vực dầu khí để có thể góp phần bổ sung, hỗ trợ cho quá trình xây dựng cũng như đóng góp vào sự phát triển chung của ngành công nghiệp tiềm năng “Điện gió”.

Tân Cảng Offshore hiện đang cung cấp các dịch vụ điện gió sau: cung cấp dịch vụ vận chuyển; cung cấp giải pháp nâng đỡ cấu kiện nặng; cung cấp giải pháp lai dất vào các cảng, luồng, lạch; hỗ trợ công tác rải cáp; cung cấp dịch vụ ROVs khảo sát, kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng đường dây cáp.

6.1.2. Giá trị sản phẩm, dịch vụ qua các năm

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Doanh thu thuần theo Nhóm Dịch vụ	Năm 2019		Năm 2020		Quý I/2021
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị
Doanh thu cho thuê tài sản	340.935	37,87	337.206	34,38	-
Doanh thu dịch vụ tàu	-	-	-	-	107.996
Doanh thu khai thác cảng	-	-	-	-	46.110
Doanh thu dịch vụ ngoài khơi	532.828	59,18	582.128	59,35	-
Doanh thu bán tàu, sà lan	0	0,00	49.560	5,05	-
Doanh thu dịch vụ khác	26.633	2,96	11.915	1,21	11.014
Tổng cộng	900.396	100	980.810	100	165.120

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019, 2020 và Quý I/2021 CTCP Dịch Vụ Biển Tân Cảng

Bảng 8: Cơ cấu doanh thu hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị
Doanh thu cho thuê tài sản	381.561	31,72	334.847	25,35	-
Doanh thu dịch vụ tàu	-	-	-	-	118.254
Doanh thu dịch vụ khai thác cảng	-	-	-	-	53.394
Doanh thu dịch vụ cung ứng	-	-	-	-	41.849
Doanh thu dịch vụ quản lý khách sạn	-	-	-	-	1.757
Doanh thu bán hàng hóa	191.287	15,90	195.781	14,82	17.326
Doanh thu dịch vụ ngoài khơi	523.847	43,55	582.128	44,08	-
Doanh thu bán tàu, sà lan	-	0,00	49.560	3,75	-
Doanh thu từ hợp tác kinh doanh	12.354	1,03	12.354	0,94	3.089
Doanh thu dịch vụ khác	93.830	7,80	146.067	11,06	26.452
Tổng cộng	1.202.879	100	1.320.738	100	262.122

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và Quý I/2021 CTCP Dịch Vụ Biển Tân Cảng

6.2. Nguyên vật liệu

Hoạt động chính trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ cảng biển, dịch vụ xếp dỡ, các loại nguyên liệu chính của Công ty sử dụng là điện, dầu, nhớt,... nhưng chi phí của các nguyên vật liệu này chỉ chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu chi phí giá vốn hàng bán. Vì vậy, các yếu tố giá nguyên liệu không ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, khi có sự biến động về giá cả các mặt hàng nguyên liệu, đặc biệt là giá xăng dầu, sẽ gây khó khăn cho hoạt động của các khách hàng và các đối tác của Công ty nên sẽ ảnh hưởng gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nguồn cung ứng các loại nguyên liệu Công ty đang sử dụng khá đa dạng nên Công ty có cơ hội tốt để chọn lựa nhà cung cấp uy tín, đảm bảo cung cấp đầy đủ, ổn định nguyên liệu cho hoạt động kinh doanh của Công ty

6.3. Chi phí sản xuất

Bảng 9. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ giai đoạn 2019 – 2020

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019	Năm 2020	Quý
-----------	----------	----------	-----

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và 2020 của CTCP Dịch vụ biển Tân Cảng

Khoản mục		Năm 2019			Năm 2020		
	Gia trị	TỶ trọng (%)	Gia trị	TỶ trọng (%)	Tăng so với 2019 (%)	Gia trị	
Gia vốn hàng bán	906.558	85,19	995.512	86,15	9,81	208.750	
Chi phí tài chính	79.833	7,50	72.307	6,26	(9,43)	13.065	
Chi phí bán hàng	8.414	0,79	15.131	1,31	79,83	3.814	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	68.799	6,47	70.146	6,07	1,96	17.141	
Chi phí khác	566	0,05	2.464	0,21	335,93	86	
Tổng chi phí	1.064.170	100	1.155.560	100	8,59	242.856	

Đơn vị: triệu đồng

Bảng 10. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2019 – 2020

Cảng

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019, 2020 và Quý I/2021 của CTCP Dịch vụ biển Tân

Khoản mục		Năm 2019			Quý I/2021		
	Gia trị	TỶ trọng (%)	Gia trị	TỶ trọng (%)	Tăng so với 2019 (%)	Gia trị	
Gia vốn hàng bán	668.957	84,46	752.660	86,59	12,51	140.817	
Chi phí tài chính	69.114	8,73	62.689	7,21	(9,30)	11.314	
Chi phí bán hàng	1.703	0,22	2.787	0,32	63,65	-	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	52.178	6,59	50.024	5,76	(4,13)	11.712	
Chi phí khác	99	0,01	1.015	0,12	925,25	55	
Tổng chi phí	792.051	100	869.175	100	9,74	163.898	

Năm 2020, Công ty đã thực hiện tốt các công tác kiểm soát chi phí trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động lớn. Trong khi tổng tài sản của Công ty suy giảm một phần do việc giảm tỉ lệ đòn bẩy để giữ vững sự ổn định về cơ cấu tài chính cho công ty thì việc phân lớn các khoản mục chi phí giữ được mức tăng trưởng đồng đều và ổn định, hợp lý với cơ cấu doanh thu đã góp phần rất lớn trong việc giữ vững mức lợi nhuận của năm 2020 gần như là tương đương với mức lợi nhuận tương đối tốt của năm 2019.

Với đặc thù là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nên chi phí giá vốn không quá cao như các doanh nghiệp sản xuất, thương mại. Mức tỷ trọng chi phí giá vốn trên tổng chi phí rơi vào khoảng trên 85% của Công ty qua các năm ở mức hợp lý với đặc thù ngành vì công ty phải sử dụng trang thiết bị phương tiện vận tải có chi phí khấu hao hàng năm lớn. Việc vẫn giữ chi phí giá vốn ổn định góp phần lớn vào kết quả kinh doanh 2020 của Công ty. Các hạng mục chi phí khác của Công ty cũng đều tăng nhẹ trong năm 2020 nhưng đều ở ngưỡng hợp lý trong cơ cấu. Nhìn chung, tình hình chi phí sản xuất của Công ty vẫn đang được thực hiện đúng với chủ trương đã đề ra và ở mức hiệu quả để tạo ra lợi nhuận ổn định và bền vững cho Công ty.

6.4. Trình độ công nghệ

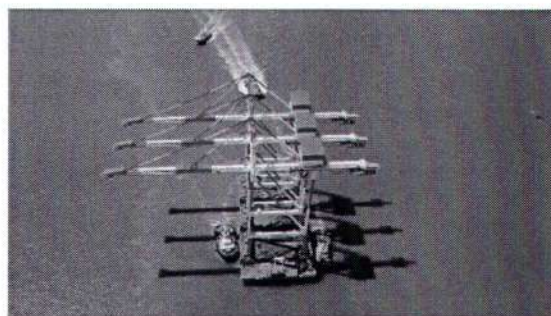
Với định hướng trở thành công ty hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ ngoài khơi và cứu hộ cứu nạn trên biển, Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng tập trung rất nhiều nguồn lực để sở hữu không chỉ là đội ngũ thuyền viên và chuyên gia trong lĩnh vực hàng hải mà còn là cả một đội hiện đại

Bảng 11. Một số máy móc trang thiết bị phương tiện vận tải hiện tại của Công ty

STT	Thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Tàu Anchor Handling Tug Supply Vessel	Tàu	11
2	Tàu Platform Supply Vessel	Tàu	02
3	Tàu Azimuth/Tàu kéo	Tàu	07
4	Sà lan	Tàu	03
5	Thiết bị khảo sát ngầm	Tàu	02

Nguồn CTCP Dịch Vụ Biển Tân Cảng

Một số hình ảnh máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải của công ty



Nguồn: CTCP Dịch Vụ Biển Tân Cảng

6.5. Hoạt động Marketing

Trong giai đoạn vừa qua, Công ty đã tiến hành các hoạt động khảo sát thị trường, nắm bắt tình hình hoạt động thực tế của Công ty cũng như đối thủ cạnh tranh. Công ty luôn duy trì hoạt động nghiên cứu, xây dựng bộ nhận dạng thương hiệu Công ty theo hướng hiện đại hóa, thể hiện giá trị cốt lõi của Công ty, cải tiến, đồng bộ hóa các văn bản, cập nhật giao diện website Công ty để đưa hình ảnh của Công ty đến khách hàng.

6.6. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo của Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng:



Công ty sử dụng nhãn hiệu từ khi thành lập, hiện nay, Công ty chưa thực hiện đăng ký bản quyền nhãn hiệu tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

6.7. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 12. Các Hợp đồng lớn đã và đang thực hiện của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên khách hàng	Thời gian thực hiện	Nội dung	Giá trị thực hiện (Chưa bao gồm VAT)
1	PTSC MARINE	09/11/2019 - 02/09/2020	Cung cấp dịch vụ cho thuê tàu Tân Cảng 89 phục vụ trực lô 05-1B, 05-1C cho Idemitsu	63.795.520.062
2	Công ty Hoàng Long	10/11/2019 - 09/04/2020	Phí cung cấp dịch vụ cho thuê tàu TC Royal hỗ trợ tại TGT	23.463.731.496
3	PTSC MARINE	20/01/2020 - 31/05/2020 17/07/2020 - 21/11/2020 21/02/2021 - Đang tiếp tục thực hiện	Cung cấp dịch vụ cho thuê tàu VH794/HQ 935 phục vụ công tác trực mỏ TGT	16.200.703.681 (Giá trị thực hiện đến hết Quý 1 năm 2021)
4	Liên Doanh Việt - Nga Vietsovpetro - Hợp đồng dầu khí Lô 04-3	01/03/2020 - 31/05/2020	Cung cấp dịch vụ cho thuê tàu TC Princess hỗ trợ sản xuất tại BK Thiên Ưng Lô 04-3	11.862.949.644
5	GENMARCA SHIPPING LTD	28/05/2020 - 01/10/2020	Phí cung cấp dịch vụ cho thuê tàu TC Royal hỗ trợ tại Sakhalins, Nga	16.496.914.188

6	Công Ty CP Dịch Vụ Lắp Đặt, Vận Hành Và Bảo Dưỡng Công Trình Dầu Khí Biển PTSC	Từ tháng 06/2020 đến đầu tháng 07/2020	Cung cấp phương tiện sà lan và tàu kéo phục vụ vận chuyển dự án Sao Vàng Đại Nguyệt	30.857.816.345
7	Công Ty CP Dịch Vụ Lắp Đặt, Vận Hành Và Bảo Dưỡng Công Trình Dầu Khí Biển PTSC	Từ tháng 06/2020 đến tháng 09/2020	Cung cấp phương tiện sà lan và tàu kéo phục vụ vận chuyển ống Nam Côn Sơn 2	67.557.639.938
8	PTSC Marine	11/07/2020 - 14/10/2020	Cung cấp dịch vụ cho thuê tàu TC Fortune kéo giữ hướng cho tàu MV12 Phase 1-2-3	42.179.885.257
9	Liên Doanh Việt - Nga Vietsovpetro - Hợp đồng dầu khí Lô 04-3	22/07/2020 - 19/09/2020	Cung cấp dịch vụ cho thuê tàu Komulan hỗ trợ sản xuất tại BK Thiên Ưng Lô 04-3	12.006.229.900
10	Công Ty CP Dịch Vụ Lắp Đặt, Vận Hành Và Bảo Dưỡng Công Trình Dầu Khí Biển PTSC	31/08/2020 - 03/11/2020	Cung cấp thiết bị ROV ATOM phục vụ dự án FSO Sao Vàng & Đại Nguyệt	10.473.300.000
11	Liên Doanh Việt - Nga Vietsovpetro - Hợp đồng dầu khí Lô 04-3	19/09/2020 - 22/12/2020 03/01/2021 - 18/01/2021 16/03/2021 - Đang tiếp tục thực hiện	Cung cấp dịch vụ cho thuê tàu Tân Cảng 89 hỗ trợ sản xuất tại BK Thiên Ưng Lô 04-3	24.475.252.245 (Giá trị thực hiện đến hết Quý 1 năm 2021)
12	CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - MITSUI	26/09/2020 - 30/01/2021	Cung cấp phương tiện phục vụ vận chuyển 12 cầu 40LT E-RTG từ Oita, Nhật Bản về cảng Nam Đình Vũ, Hải Phòng và cảng Bình Dương, VN	25.115.000.000

Nguồn: CTCP Dịch vụ biển Tân Cảng

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất

Bảng 13: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh Công ty mẹ năm 2019-2020

Đơn vị: (Triệu đồng)

Chỉ Tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Quý I/2021
	Giá trị	Tăng giảm so với năm 2018 (%)	Giá trị	Tăng giảm so với năm 2019 (%)	Giá trị
Tổng giá trị tài sản	1.700.502	(0,85)	1.517.996	(10,73)	1.431.410
Vốn chủ sở hữu	620.447	6,87	664.239	7,06	654.715
Doanh thu thuần	900.396	(11,38)	980.810	8,93	165.120
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	123.621	(17,84)	127.855	3,42	1.499
Lợi nhuận khác	1.888	(124,57)	3491	84,90	1.061
Lợi nhuận trước thuế	125.509	(12,10)	131.346	4,65	2.560
Lợi nhuận sau thuế	119.240	(12,47)	120.840	1,34	2.560
Giá trị sổ sách một cổ phiếu (đồng)	23.412	6,88	25.066	7,06	24.706

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019, 2020 và Quý I/2021 của CTCP Dịch Vụ Biển Tân Cảng

Bảng 14. Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2019-2020

Đơn vị: (Triệu đồng)

Chỉ Tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Quý I/2021
	Giá trị	Tăng giảm (%)	Giá trị	Tăng giảm (%)	Giá trị

Tuy bị tham hụt về tài sản nhưng Công ty vẫn nỗ lực duy trì khả năng cung ứng sản phẩm và dịch vụ, thể hiện qua việc cả doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn tăng nhẹ so với cùng kì năm ngoái đạt lần lượt là hơn 1300 tỷ đồng và gần 160 tỷ đồng. Bên cạnh đó thì Công ty cũng kiểm soát tốt các chi phí khi phân lớn chi phí vẫn là chi phí giá vốn và mức độ tăng trưởng chi phí hợp lý và đồng đều.

Trong năm 2020, tình hình tài sản – nguồn vốn của Công ty có sự sụt giảm đáng kể so với năm 2019 khi Tổng giá trị tài sản giảm gần 200 tỷ tương ứng với 9,84%. Sự sụt giảm này chủ yếu đến từ việc giảm các khoản nợ phải trả nhằm giảm tỉ lệ đòn bẩy tài chính trong bối cảnh tình hình kinh tế 2020 gặp nhiều biến động và đã phần nào ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và Quý I/2021 CTCP Dịch Vụ Biển Tân Cảng

Tổng giá trị tài sản	2.020.005	(1,22)	1.821.188	(9,84)	1.762.873
Vốn chủ sở hữu	778.873	5,66	848.000	8,88	863.365
Doanh thu thuần	1.202.134	(3,94)	1.319.694	9,78	261.806
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	1.235	-	8.572	594	3.832
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	141.519	(12,88)	178.100	25,85	23.182
Lợi nhuận khác	2.190	(1.240,63)	3.801	73,56	1.076
Lợi nhuận trước thuế	143.710	(11,43)	181.901	26,58	24.259
Lợi nhuận sau thuế	130.480	(12,53)	159.338	22,12	20.053
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	119.315	(8,5)	138.260	15,9	13.304
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	11.164	(40,4)	21.076	88,8	6.748
Giá trị sổ sách một cổ phiếu (đồng)	23.771	6,58%	26.020	9,46%	26.454

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

7.2.1. Thuận lợi

Năm 2020 do ảnh hưởng của dịch COVID-19, đã gây ra khó khăn chung cho nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, với sự nỗ lực, quyết tâm của Chính Phủ và Nhà Nước, dịch bệnh tại nước ta đã được kiểm soát hiệu quả, nền kinh tế đã phục hồi từ cuối quý 2 năm 2020 và vẫn giữ được mức tăng trưởng dương. Do đó, hoạt động của Công ty không bị ảnh hưởng nhiều. Không những vậy, từ những nỗ lực phấn đấu của cán bộ công nhân viên Công ty mà doanh thu năm 2020 so với năm 2019 vẫn tăng trưởng gần 10%.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã chỉ đạo quyết liệt trên tất cả các lĩnh vực hoạt động với mục tiêu triển khai các giải pháp đáp ứng yêu cầu, mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng, tạo dựng mối quan hệ uy tín, lâu dài với đối tác.

7.2.2. Khó khăn

Thuận lợi là vậy, nhưng trong bối cảnh dịch bệnh năm 2020 đã làm cho hoạt động kinh tế, giao thương, dịch vụ đường thủy bị ảnh hưởng tiêu cực. Nhiều khách hàng, đại lý, hãng tàu đối tác gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh khiến cho doanh thu của Công ty chưa đạt được hiệu quả tối đa.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Được thành lập vào tháng 3 năm 2012, là một trong 3 đơn vị kinh doanh trụ cột thuộc Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn trong việc phát triển trở thành binh đoàn kinh tế biển. Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng hiện là nhà cung cấp dịch vụ hàng hải uy tín, chuyên nghiệp. Điểm mạnh nằm ở khả năng phân tích, triển khai các giải pháp hàng hải toàn diện cho khách hàng đa lĩnh vực (tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí, điện gió). TCO đã và đang xây dựng các mối quan hệ hợp tác bền vững với đối tác và khách hàng của mình, thấu hiểu nhu cầu và tiềm lực của họ nhằm cung cấp các giải pháp hàng hải tối ưu nhất.

Hiện nay Công ty đang sở hữu và quản lý đội tàu dịch vụ hậu cần dầu khí, đội tàu lai dắt, sà lan kéo biển và thiết bị khảo sát ngầm với tổng số trên 20 trang thiết bị hiện đại với hệ thống quản lý tàu đạt tiêu chuẩn quốc tế. Công ty TCO sở hữu một trong những đội tàu dịch vụ hiện đại nhất Việt Nam gồm tàu dịch vụ đa năng AHTS và PSV được trang bị hệ thống định vị động học (DP1 DP2) tiên tiến, tàu trục mỏ, tàu trục an ninh, v.v. Ngoài ra, công ty còn có đội thuyền viên chất lượng cao và giàu kinh nghiệm làm việc theo yêu cầu, tiêu chuẩn cao nhất của các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước. Tân Cảng Offshore đã dần khẳng định vị thế của mình trên thị trường với nhiều hoạt động cứu hộ trên biển ở trong và ngoài nước có quy mô và tình trạng phức tạp như hoạt động cứu hộ tàu Sokol, chống tràn dầu Jakarta hay chiến dịch cứu hộ tàu hàng Vancouver, v.v. Chính vì vậy, Công ty hiện là một trong những nhà cung cấp dịch vụ hậu cần quan trọng cho ngành dầu khí hàng đầu Việt Nam.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Sau khi Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và sự phát triển nhu cầu vận chuyển ngày một tăng của dịch vụ cảng biển, năm 2021 được đánh giá là một năm đầy triển vọng của các doanh nghiệp cảng biển. Bên cạnh đó, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung có thể giúp Việt Nam tăng khả năng giành thị phần từ Trung Quốc như một trung tâm sản xuất do sở hữu nguồn lao động tương đối rẻ, môi trường chính trị ổn định và các chính sách thương mại mở. Theo nghiên cứu của BMI Research (thuộc Fitch Group – công ty xếp hạng tín dụng thế giới) về tác động từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung thực hiện năm 2018 sẽ thúc đẩy thương mại quốc tế giữa Việt Nam và các quốc gia khác trong khối. Ngành cảng biển được dự báo là một trong những ngành được hưởng lợi, theo đó, tổng giá trị giao dịch của Việt Nam được dự báo sẽ tăng 12% mỗi năm trong giai đoạn 2019-2022, đạt giá trị danh nghĩa là 735 tỷ USD vào năm 2022. Không chỉ vậy, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư 54/2018/TT-BGTVT có hiệu lực từ ngày 01/01/2019, qua đó điều chỉnh khung giá một loạt các dịch vụ tại cảng biển Việt Nam. Như vậy, các dịch vụ cảng biển cũng sẽ phát triển nhanh chóng và có được nguồn doanh thu cao hơn nhờ các yếu tố bên ngoài và nội tại của ngành.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2020 là 259 người

Bảng 15. Cơ cấu lao động đến thời điểm 31/12/2020

Đơn vị: người

STT	Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Trên Đại học	10	3,86
2	Đại học	248	95,75
3	Cao đẳng	1	0,39
4	Trung cấp	0	0
5	Phổ thông	0	0
Tổng cộng		259	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng

9.2. Chính sách đối với người lao động

Chính sách tuyển dụng

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học, cao đẳng trong và ngoài nước, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty, sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn phát triển lâu dài cho Công ty.

Chính sách đào tạo

Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ của nguồn nhân lực, Công ty

luôn chú trọng công tác đào tạo và huấn luyện nguồn nhân lực. Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng ngắn hạn phù hợp với vị trí công tác và năng lực của nhân viên cho toàn thể người lao động trong Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty luôn coi trọng việc thu hút nhân tài nhằm trẻ hóa nguồn lao động và bổ sung thêm nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng phát triển năng lực, kiến thức, kỹ năng của đội ngũ sẵn có theo hướng chuyên nghiệp hoá, đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ mới trong thời kỳ hội nhập toàn cầu hiện nay.

Chính sách lương, thưởng và các chế độ khác đối với người lao động

Nhằm đảm bảo thực hiện việc trả lương, thưởng và các phúc lợi xã hội cho người lao động một cách công bằng, hợp lý trên cơ sở đánh giá giá trị đóng góp, năng lực và hiệu quả công việc của người lao động, phù hợp với hoạt động dịch vụ sản xuất kinh doanh chính là ngành dịch vụ tàu dầu khí biển. Công ty đã tiến hành xây dựng và ban hành Quy chế tiền lương ngày 08 tháng 5 năm 2014 theo Quyết định số 01A/2014/QĐ- HDQT (Phụ lục đính kèm).

Theo đó, chính sách lương thưởng và phúc lợi thực hiện đối với người lao động được thực hiện đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật lao động về tiền lương và các chế độ đãi ngộ khác cho người lao động; Tiền lương được trả trực tiếp, đầy đủ, đúng thời hạn về số lượng, chất lượng và tiến độ thực tế hoàn thành công việc của người lao động.
- Việc trả tiền lương cho người lao động đảm bảo phù hợp với Quỹ tiền lương đã được phê duyệt đồng thời khuyến khích người lao động làm việc hiệu quả, hoàn thành tốt công việc được giao và có nhiều đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Đối với mỗi người lao động, Công ty sẽ chi trả lương phù hợp với tính chất công việc, trình độ chuyên môn và mức độ hoàn thành công việc. Những người lao động thực hiện công việc đòi hỏi trình độ chuyên môn cao, tay nghề giỏi, đóng góp nhiều vào hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty thì được trả lương cao, tăng lương, nâng bậc trước thời hạn.
- Tiền lương của mỗi người lao động được thể hiện qua lương theo công việc hoặc chức danh của người lao động được quy định trong hệ thống thang lương, bảng lương của Công ty hoặc trên hợp đồng lao động. Những trường hợp đặc biệt do thỏa thuận về tiền lương hoặc người lao động đã có thời gian làm việc lâu năm, kinh nghiệm chuyên môn đặc thù có thể được hưởng tiền lương theo chính sách đặc biệt không theo đúng thang bảng lương, thưởng của Công ty, sẽ do Tổng Giám đốc Công ty quyết định.
- Các đề xuất liên quan đến việc xác định, điều chỉnh tiền lương của người lao động đều phải đảm bảo sự khách quan, công bằng, tương xứng với phạm vi trách nhiệm, năng lực và kết quả thực hiện công việc của người lao động.

Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội

Công ty đảm bảo chi trả lương thưởng, trợ cấp xã hội cũng như chế độ bảo hiểm phù hợp với Luật Lao động, các điều luật khác liên quan cũng như Điều lệ công ty. Công ty cũng có chế độ phụ cấp rủi ro, phụ cấp chuyên môn và các khoản thưởng khác tùy vào tình hình và điều kiện cụ thể.

Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên nâng cao chính sách phúc lợi cho CBCNV bằng các trợ cấp đối với các nhân viên cưới hỏi, ốm đau – nằm viện, thai sản, nghỉ hưu, mất sức, chế độ tang chế. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo cùng Công đoàn công ty luôn chú tâm phát triển phong trào văn thể mỹ và duy trì các hoạt động ngoại khóa như các giải thể thao, văn nghệ, sinh hoạt tập thể, tổ chức từ thiện giúp đỡ người nghèo. Công ty cũng đảm bảo các điều kiện an toàn và bảo hiểm theo đúng quy định với tất cả các đối tượng lao động trong Công ty, đặc biệt là lao động trong các lĩnh vực đặc thù thường xuyên phải đối mặt với rủi ro trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải.

10. Chính sách cổ tức

Hội đồng quản trị có trách nhiệm đề xuất mức cổ tức trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả cho các cổ đông nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty.

Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Từ năm 2017 đến nay, Công ty thực hiện chi trả cổ tức cụ thể như sau:

Bảng 16. Bảng tỷ lệ chi trả cổ tức

Năm	Tỷ lệ cổ tức đã chi trả (%)	Hình thức
Năm 2017	23	Trả cổ tức bằng tiền
Năm 2018	23	Trả cổ tức bằng tiền
Năm 2019	23	Trả cổ tức bằng tiền
Năm 2020	23 (*)	Trả cổ tức bằng tiền

(Nguồn: CTCP Dịch vụ biển Tân Cảng)

* *Cố tức năm 2020 được chi trả vào ngày 15/06/2021.*

11. Tình hình hoạt động tài chính

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
- Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính là: đồng Việt Nam (VND).
- Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2020 (theo BCTC kiểm toán): 265.000.000.000 đồng

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1. Trích khấu hao tài sản cố định:

a. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá trừ giá hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sử dụng. Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư 147/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Thời gian khấu hao cụ thể của các nhóm tài sản cố định được ước tính như sau:

Bảng 17. Trích khấu hao tài sản cố định

Loại tài sản cố định:	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
Phương tiện vận tải	03 – 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
Tài sản cố định khác	04 – 05 năm

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2020

b. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

11.1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng khế ước tiền vay.

Công ty hiện không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một năm.

11.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn nộp đúng và đủ các khoản thuế Giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của Nhà nước. Tại thời điểm hiện tại, Công ty đã thanh toán đầy đủ các khoản thuế nộp cho Nhà nước.

Công ty thực hiện việc nộp thuế hàng năm theo đúng quy định của Nhà nước. Số dư các khoản thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước tại thời điểm 31/12/2020 như sau:

Bảng 18. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.383.231.740	-	2.140.395.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.666.965.924	10.182.316.300	-
Thuế thu nhập cá nhân	746.046.748	395.014.040	610.687.830
Thuế nhà thầu	322.006.079	543.854.377	385.631.979
Tổng cộng	11.118.250.491	11.121.184.717	3.136.714.809

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2019, 2020 và quý I/2021 của CTCP Dịch vụ biển Tân Cảng)

Bảng 19. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước Hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.190.572.613	1.569.522.588	4.286.062.225
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.475.377.075	18.422.827.717	3.235.738.566
Thuế thu nhập cá nhân	859.682.233	484.673.575	666.163.527
Thuế nhà thầu	322.006.079	543.854.377	385.631.979
Tổng cộng	19.847.638.000	21.020.878.257	8.573.596.297

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2019, 2020 và quý I/2021 của CTCP Dịch vụ biển Tân Cảng)

11.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo luật định và theo quy định tại Điều lệ của Công ty chi tiết như sau

Bảng 20. Bảng tổng hợp các quỹ theo luật định Công ty mẹ

Kh khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
1. Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng	239.006.747,610	208.947.492,846	178.795.714,587
Vay ngân hàng	127.433.721,142	126.936.301,614	126.003.083,181
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	40.360.713,566	30.631.735,400	41.009.601,400
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú ⁽ⁱⁱⁱ⁾	54.939.328,362	36.025.417,685	14.462.668,261
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	32.133.679,214	60.279.148,529	70.530.813,520
Vay ngân hàng các tổ chức khác	200.000,000	-	-
Vay ngân hàng các cá nhân	64.092,100	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	110.787.071,624	81.625.894,140	52.537.800,000
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	521.862,744	385.297,092	254.831,406

Đơn vị tính: Đồng

Bảng 22. Tình hình tổng dư nợ vay

hạn như sau:

Công ty không có nợ quá hạn tại ngày 31/12/2020. Chi tiết các khoản nợ vay ngân hàng và dài

11.1.5. Tổng dư nợ vay

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2020 và quý I/2021 của Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

Kh khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
Quy khen thương, phúc lợi	8.211.529,751	4.981.311,316	6.171.979,275
Quy đầu tư phát triển	172.424.805,950	209.168.303,272	210.735.884,686
Quy khác thuộc vốn chủ sở hữu	27.643.218,416	27.631.515,060	27.697.380,199

Đơn vị tính: đồng

Bảng 21. Bảng tổng hợp các quy theo luật định Hợp nhất

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2020 và quý I/2021 của CTCP Dịch vụ biển Tân Cảng)

Kh khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
Quy khen thương, phúc lợi	7.180.892,948	4.760.754,773	5.000.261,850
Quy đầu tư phát triển	167.248.479,713	203.020.614,134	203.020.614,134
Quy khác thuộc vốn chủ sở hữu	26.872.565,779	26.872.565,779	26.872.565,779

Đơn vị tính: đồng

2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	569.064.398.213	504.303.113.403	485.538.659.832
2.1. Vay dài hạn ngân hàng	364.074.099.158	272.237.536.440	274.052.507.869
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú ^(iv)	79.430.099.157	77.073.536.437	81.209.936.437
+ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Việt Nga – Chi nhánh Vũng Tàu	-	-	-
+ Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga ^(v)	15.400.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa ^(vi)	269.244.000.001	195.164.000.003	192.842.571.432
2.2. Vay dài hạn các tổ chức khác	10.000.000.000	23.800.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Cảng biển Việt Nam	10.000.000.000	23.800.000.000	
2.3. Vay dài hạn các cá nhân khác	194.018.850.000	207.679.425.000	210.900.000.000
2.4. Nợ thuê tài chính	971.449.055	586.151.963	586.151.963
Tổng Cộng	808.071.145.823	713.250.606.249	664.334.374.419

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2020, Quý I/2021 của Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0088/1938/N-CTD ngày 24/8/2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 50.000.000.000 VND, thời hạn vay đến 24/8/2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tài khoản tiền gửi tại VCB với tổng trị giá 3.500.000.000 VND; thế chấp tài sản là 02 cầu khung bánh lốp RTG 6+1 hiệu Kalmar.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú theo Hợp đồng tín dụng số 54486.19.151.1131175.TD ngày 12/12/2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức tiền vay 80.000.000.000 VND, thời hạn vay đến 31/10/2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền khai thác Công trình dự án Cảng Container hình thành trên khu đất cảng xăng dầu Cát Lái, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh; Các TAN CANG 63, TANG CANG 66, và TC Royal; Khoản phải thu phát sinh từ Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 337-13/TCT-KHKD ngày 30/6/2013 và các PLHD/BB thỏa thuận liên quan.

- (iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/12827294/HĐTD ngày 18/12/2019 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 40.000.000.000 VND, thời hạn vay đến 18/12/2020. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sở hữu tài sản là 01 cầu bờ Cointainer hiệu Kocks.
- (iv) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng tín dụng sau:
- a. Tại Công ty mẹ:
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng tín dụng số 21372.17.151.1131175.TD ngày 28 tháng 11 năm 2018 và số 6898.19.151.1131175.TD ngày 14 tháng 3 năm 2019 với hạn mức cho vay VND tương đương 1.400.000 USD và 3.220.000 USD, giải ngân theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm giải ngân. Mục đích vay để đầu tư tàu Olympic Progress và tàu Armada Tuah 304. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất từ 8,2% đến 9,7% cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.
 - b. Tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng:
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng tín dụng số 23402.15.151.2322196.TD ngày 22 tháng 9 năm 2015, số 137.15.151.2322196.TD ngày 21 tháng 7 năm 2015, số 15170.16.151.2322196.TD ngày 05 tháng 9 năm 2016. Mục đích vay để đầu tư cầu khung bánh lốp Kalmar 6+1, cầu bờ Container dạng khung chạy trên ray Feeder Server hiệu Kocks, mua thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu khu vực Cảng và Phao xuất dầu không bến và góp vốn thực hiện dự án đầu tư xây dựng kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần. Thời hạn vay từ 60 tháng đến 120 tháng. Lãi suất từ 8,4% đến 8,6% cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay, quyền khai thác tài sản hình thành từ dự án đầu tư xây dựng và khai thác kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần, quyền khai thác cơ sở hạ tầng và các quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 324/TCT-KHKD ngày 15/01/2016 giữa Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng và quyền đòi nợ từ Hợp đồng số 318-2016/PTSC-TM/HĐ ngày 08 tháng 11 năm 2016 giữa Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (bên thuê) với liên danh nhà thầu giữa Công ty và Công ty TNHH Kỹ thuật Anh Việt.
 - c. Tại Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS – Cát Lái:
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú theo hợp đồng tín dụng số 26172.19.151.3727485 ngày 22 tháng 7 năm 2019 số tiền 198.000.000 VND. Mục đích vay để thanh toán chi phí mua xe Carry Truck. Thời hạn vay 48

tháng, lãi suất 10%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- (v) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga của Công ty mẹ theo hợp đồng tín dụng số 06/2016/HĐTDH.DN ngày 29 tháng 12 năm 2016, mục đích đầu tư sà lan TÂN CẢNG 89, hạn mức vay là 77.000.000.000 VND, thời hạn vay là 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất từ 8,7% đến 9,2% cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (vi) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa theo các hợp đồng sau:
- a. Tại Công ty mẹ:
Khoản vay theo hợp đồng số 0606/2018-HĐCVTL/NHCT126-TCO ngày 12 tháng 6 năm 2018 để đầu tư 02 cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer. Tổng số tiền vay 317.514.000.000 VND, thời hạn cho vay 106 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ 106 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Lãi suất từ 7,7% đến 9,5% cụ thể theo từng giấy nhận nợ.
- b. Tại Công ty Cổ phần Hàng Hải Tân Cảng Miền Bắc:
Hợp đồng tín dụng số 1501/2019-HDDCVDDADDT/NHCT126-TANCANGMB ngày 16 tháng 01 năm 2019 để thanh toán các chi phí mua tàu Tân Cảng 86, hạn mức cho vay 65.000.000.000 VND, thời hạn cho vay 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay được quy định theo từng Giấy nhận nợ áp dụng mức lãi suất 7,7%/năm trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với điều kiện giải ngân đầu tiên không muộn hơn 31/1/2019, từ năm thứ 02 về sau lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND thông thường kỳ hạn 12 tháng dành cho khách hàng cá nhân trả lãi sau niên yết tại bên cho vay + biên độ 3,0%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

11.1.6. Tình hình công nợ hiện nay

❖ Các khoản phải thu

Bảng 23. Một số chỉ tiêu về các khoản phải thu Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
Các khoản phải thu ngắn hạn	372.744.976.082	401.299.609.101	300.883.103.489
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	348.562.864.263	389.235.330.399	257.581.412.722
Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.314.655.839	5.680.639.685	20.414.025.292
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	2.076.734.624	18.921.469.256	35.425.495.714
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó	(3.209.278.644)	(12.537.830.239)	(12.537.830.239)

Kh khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
I. Ng ngân hạn	492.684.609.152	418.549.309.800	362.067.475.244
1. Phải trả người bán ngân hạn	170.078.736.180	126.532.434.852	94.824.942.487
2. Người mua trả tiền trước ngân hạn	10.260.923.000	-	924.400.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.118.250.491	11.121.184.717	3.136.714.809
4. Phải trả người lao động	7.155.201.054	4.372.944.350	3.571.143.851

Đơn vị tính: đồng

Bảng 25. Một số chỉ tiêu về các khoản phải trả ngân hạn Công ty mẹ

❖ Các khoản phải trả ngân hạn

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2020 và quý I/2021 của Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

Kh khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
Các khoản phải thu dài hạn	395.469.656.202	414.248.970.751	345.962.067.914
Phải thu ngân hạn của khách hàng	364.867.282.770	392.733.775.027	293.253.299.443
Trả trước cho người bán ngân hạn	7.581.755.100	7.969.366.080	23.882.897.618
Phải thu về cho vay ngân hạn	-	23.853.950	21.853.950
Phải thu ngân hạn khác	26.229.896.976	26.059.805.933	41.205.410.031
Dự phòng phải thu ngân hạn khó đòi	(3.209.278.644)	(12.537.830.239)	(12.537.830.239)
Các khoản phải thu dài hạn	41.378.438.688	29.339.021.578	29.343.021.578
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	43.853.950	-	-
Phải thu dài hạn khác	41.334.584.738	29.339.021.578	29.343.021.578
Tổng	436.848.094.890	443.587.992.329	375.305.089.492

Đơn vị tính: đồng

Bảng 24. Một số chỉ tiêu về các khoản phải thu Hợp nhất

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2020, Quý I/2021 của Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

Kh khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
Các khoản phải thu dài hạn	13.343.555.621	3.331.000.000	3.335.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	8.065.251.485	3.100.000.000	3.100.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	5.278.304.136	231.000.000	235.000.000
Tổng	386.088.531.703	404.630.609.101	304.218.103.489

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
-----------	------------	------------	------------

Đơn vị tính: đồng

Bảng 28. Một số chỉ tiêu về hàng tồn kho Hợp nhất

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2020 và quý I/2021 của Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
Hàng tồn kho	62.170.240.985	46.229.740.358	64.132.455.538

Đơn vị tính: đồng

Bảng 27. Một số chỉ tiêu về hàng tồn kho Công ty mẹ

* Hàng tồn kho

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2020 và quý I/2021 của Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
1. Nợ ngắn hạn	567.151.347.826	467.959.585.140	412.039.088.910
1. Phải trả người bán ngắn hạn	193.247.956.287	142.695.374.892	98.456.433.857
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10.808.805.191	34.859.725	6.787.931.561
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19.847.638.000	21.020.878.257	8.573.596.297
4. Phải trả người lao động	10.007.368.712	8.331.333.808	5.872.978.509
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	46.466.039.215	44.180.246.678	94.724.630.113
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.972.576.000	2.704.500.000	2.028.375.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	36.582.687.060	35.063.587.618	10.897.449.711
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	239.006.747.610	208.947.492.846	178.795.714.587
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.211.529.751	4.981.311.316	6.171.979.275

Đơn vị tính: đồng

Bảng 26. Một số chỉ tiêu về các khoản phải trả ngắn hạn Hợp nhất

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2020 và quý I/2021 của Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	48.364.360.045	44.316.718.697	84.359.387.910
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	268.076.000	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	32.291.292.917	30.199.940.377	6.012.578.015
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	205.966.876.517	197.245.332.034	164.238.046.322
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.180.892.948	4.760.754.773	5.000.261.850

Hàng tồn kho	66.968.162.413	49.928.504.991	67.424.857.026
--------------	----------------	----------------	----------------

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2020 và quý I/2021 của Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

❖ **Tình hình đầu tư tài chính**

Bảng 29. Tình hình đầu tư tài chính Công ty mẹ

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
I. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
II. Đầu tư tài chính dài hạn	301.473.200.000	301.473.200.000	301.473.200.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	145.022.400.000	145.022.400.000	145.022.400.000
Đầu tư vào công ty con	156.450.800.000	156.450.800.000	156.450.800.000
Tổng cộng	301.473.200.000	301.473.200.000	

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2020 và quý I/2021 của Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

Bảng 30. Tình hình đầu tư tài chính Hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
I. Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.000.000.000	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.000.000.000	-	-
II. Đầu tư tài chính dài hạn	160.258.458.078	168.323.945.455	172.156.367.587
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	160.258.458.078	168.323.945.455	173.156.367.587
Đầu tư vào công ty con	-	-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-1.000.000.000
Tổng cộng	167.258.458.078	168.323.945.455	

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2020 và quý I/2021 của Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

❖ **Chi phí trả trước**

Bảng 31. Chi phí trả trước Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	3.578.520.994	3.195.455.026	2.816.375.890

Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	5.362.944.880	5.191.062.300	4.665.130.028
Chi phí bảo hiểm	2.269.410.932	3.727.192.013	3.299.879.640
Chi phí sửa chữa tài sản	1.444.018.557	158.625.157	-
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	-	42.227.763
Chi phí sửa chữa	-	-	36.714.949
Chi phí công cụ dụng cụ	807.652.785	387.811.560	410.306.407
Chi phí khác	841.862.606	917.433.570	876.001.269

Đơn vị tính: đồng

Bảng 32. Chi phí trả trước Hợp nhất

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2020 và quý I/2021 của Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

Tổng cộng	39.869.149.382	49.914.786.810	
Chi phí bảo hiểm	2.172.373.894	3.195.455.026	2.816.375.890
Chi phí sửa chữa tài sản	1.406.147.100	-	-
Chi phí công cụ dụng cụ	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-
2. Chi phí trả trước dài hạn	36.290.628.388	46.719.331.784	41.594.390.063
Chi phí thuê thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu	-	-	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	66.933.340	5.149.464.231	4.439.595.255
Chi phí bảo hiểm	-	-	-
Chi phí sửa chữa tàu	24.897.975.670	27.345.144.949	33.966.299.921
Chi phí duy tu cảng, đường bãi container	11.037.941.753	10.710.173.572	-
Chi phí đăng kiểm	190.258.560	95.129.280	44.232.180
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	1.718.100.336	1.533.447.057
Chi phí sửa chữa khác	97.519.065	1.701.319.416	1.610.815.650
Tổng cộng	39.869.149.382	49.914.786.810	

2. Chi phí trả trước dài hạn	46.768.748.157	57.364.834.263	50.920.697.112
Chi phí thuê thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu	-	1.145.436.667	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.411.594.837	8.192.966.563	6.802.764.679
Chi phí bảo hiểm	2.034.251.667	26.600.000	20.900.000
Chi phí sửa chữa tàu	27.366.157.549	35.088.839.965	-
Chi phí duy tu cảng, đường bãi container	11.037.941.753	10.710.173.572	-
Chi phí sửa chữa tài sản	-	-	39.086.567.046
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	-	1.756.889.544
Chi phí đăng kiểm	-	95.129.280	44.232.180
Chi phí sửa chữa khác	918.802.351	2.105.688.216	3.209.343.663
Tổng cộng	52.131.693.037	62.555.896.563	55.585.827.140

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2020 và quý I/2021 của Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

11.1.7. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 33. Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ năm 2019 – 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị Tính	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	Lần	0,96	1,16
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSNH - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	Lần	0,83	1,05
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,64	0,56
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,74	1,29
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: GVHB/HTK bình quân	Vòng	16,40	13,89

+Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0.53	0.61
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	13,2	12,3
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	19,9	18,8
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	7,0	7,5
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	13,7	13

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2019, 2020 Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

Bảng 34. Các chỉ tiêu tài chính Hợp nhất năm 2019 - 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị Tính	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	Lần	0,99	1,19
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSNH - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	Lần	0,88	1,08
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,61	0,53
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,59	1,15
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: GVHB/HTK bình quân	Vòng	20,33	17,03
+Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,59	0,69
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,9	12,1
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	17,2	19,6
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	6,4	8,3

12. Tài sản

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2019, 2020 của Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng

+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	11,8	13,5
---	---	------	------

Bảng 35. Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2020

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại tại 31/12/2020	Giá trị còn lại/Nguyên giá (%)
Tài sản cố định hữu hình	2.384.719.331.161	955.476.311.484	40,1%
Nhà cửa, vật kiến trúc	442.962.381.799	64.462.264.929	14,6%
Máy móc, thiết bị	1.138.863.926.459	432.505.494.145	38,0%
Phong tiện vận tải, truyền dẫn	790.535.172.988	457.827.726.047	57,9%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	11.159.629.660	464.308.070	4,2%
Tài sản cố định khác	1.198.220.255	216.518.293	18,1%
Tài sản cố định thuê tài chính (Phong tiện vận tải truyền dẫn)	2.741.157.634	1.609.620.188	58,7%
Tài sản cố định vô hình (Phần mềm chương trình máy tính)	1.097.685.000	431.493.025	39,3%
Tổng cộng	2.388.558.173.795	957.517.424.697	40,1%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2019, 2020 của Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

Bảng 36. Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/03/2021

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại tại 31/03/2021	Giá trị còn lại/Nguyên giá (%)
Tài sản cố định hữu hình	2.432.552.366.107	969.346.075.063	40,1%
Nhà cửa, vật kiến trúc	442.962.381.799	64.066.061.394	14,6%

Danh mục	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
Mua sắm tài sản cố định	-	47.229.484.657	-

Bảng 38. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Hợp nhất

Chi phí xây dựng dở dang các kỳ không thay đổi do các dự án dở dang đang chờ hướng dẫn triển khai dự án từ các cơ quan nhà nước.
(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2020 và quý I/2021 của Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

Danh mục	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	4.642.983.158	4.642.983.158	4.642.983.158
- Dự án 52 – 58 Trần Phú, Nhà Trang	542.740.734	542.740.734	542.740.734
- Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải Phòng	3.013.636.364	3.013.636.364	3.013.636.364
- Công trình khác	1.086.060.060	1.086.060.060	1.086.060.060
Tổng cộng	4.642.983.158	4.642.983.158	4.642.983.158

Bảng 37. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Công ty mẹ

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2019, 2020 của Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

Tài sản cố định vô hình (Phần mềm chương trình máy tính)	1.144.215.000	443.622.938	39,3%
Tài sản cố định vô hình (Phần mềm chương trình máy tính)	1.144.215.000	443.622.938	39,3%
Tài sản cố định hữu hình (Phong tiện vận tải truyền dẫn)	2.741.157.634	1.480.720.148	58,7%
Tài sản cố định hữu hình (Phong tiện vận tải truyền dẫn)	2.741.157.634	1.480.720.148	58,7%
Tài sản cố định khác	1.198.220.255	159.372.181	18,1%
Tài sản cố định khác	1.198.220.255	159.372.181	18,1%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	11.159.629.660	396.227.918	4,2%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	11.159.629.660	396.227.918	4,2%
Phong tiện vận tải, truyền dẫn	838.368.207.934	490.574.311.437	57,9%
Phong tiện vận tải, truyền dẫn	838.368.207.934	490.574.311.437	57,9%
Máy móc, thiết bị	1.138.863.926.459	414.150.102.133	38,0%
Máy móc, thiết bị	1.138.863.926.459	414.150.102.133	38,0%
Tổng cộng	2.436.437.738.741	971.270.418.149	40,1%

Xây dựng cơ bản dở dang	6.698.148.143	6.698.148.143	6.698.148.143
- Dự án 52 – 58 Trần Phú, Nha Trang	542.740.734	542.740.734	542.740.734
- Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải phòng	3.013.636.364	3.013.636.364	3.013.636.364
- Công trình khác	3.141.771.045	3.141.771.045	3.141.771.045
Tổng cộng	6.698.148.143	53.927.632.800	6.698.148.143

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2020 và quý I/2021 của Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

Bảng 39. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức Công ty mẹ năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	
			Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2020
1	Tổng doanh thu (*)	1.000.521,21	1.049.239	104,87%
3	Lợi nhuận sau thuế	120.840,02	130.809	108,25%
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Tổng doanh thu	12,08%	12,46%	-
6	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	46%	42%	-
7	Cổ tức	23%	25%	-

(Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

(*) Tổng Doanh thu được tính bằng tổng Doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua chỉ tiêu kế hoạch là tổng doanh thu, không tách riêng chỉ tiêu doanh thu thuần.

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2021

Trên cơ sở các thông tin về tình hình thị trường, những kết quả đạt được trong năm 2020 và các nhận định, đánh giá cơ hội, khó khăn trong bối cảnh giá dầu tiếp tục diễn biến khó lường và ảnh hưởng kéo dài của dịch Covid-19 đối với các mảng kinh doanh của Công ty trong thời gian tới,

TCO đề ra Phương hướng hành động năm 2021 là “Chuyên nghiệp hóa các mảng kinh doanh và mở rộng đầu tư”.

- Thuận lợi: TCO có đội ngũ nhân sự chất lượng cao, tài sản được đầu tư bài bản hiện đại, lãi suất ngân hàng giảm.
- Khó khăn: Dịch covid-19 ảnh hưởng đến hoạt động trong nước và nước ngoài do thực hiện đóng cửa, khó khăn về mặt tài chính, chi phí đầu vào tăng cao.

Các giải pháp để thực hiện được kế hoạch đề ra:

- Tận dụng thời điểm trẻ hóa đội tàu.
- Nâng cao chất lượng nhân sự trong công ty giảm thuê nhân sự ngoài.
- Mở rộng thị trường kinh doanh ra nước ngoài.
- Dự phòng chi phí đầu vào tăng cao.

Bảng 40. Kết quả Quý I/2021 Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	QI/2021	
			Kết quả	% so với kế hoạch
1	Tổng doanh thu (*)	1.049.239	166.460	15,9%
2	Lợi nhuận sau thuế	130.809	2.560	2%

Nguồn: BCTC riêng Quý I/2021

(*) Tổng Doanh thu được tính bằng tổng Doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác.

Tổng doanh thu Quý I/2021 đạt 166,46 tỷ đồng, đạt 15,9% so với kế hoạch cả năm là 1.049,24 tỷ đồng. Mức doanh thu đạt được trong Quý I/2021 vẫn ở mức thấp so với trung bình cần được mỗi quý để thực hiện được mục tiêu năm 2021. Lợi nhuận sau thuế trong Quý I/2021 là 2,5 tỷ đồng chỉ đạt được 2% so với kế hoạch lợi nhuận đặt ra là 130,8 tỷ đồng.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng

Không có.

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Định hướng chiến lược của Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng là phát triển sản xuất kinh doanh bền vững trong đó lấy ngành dịch vụ cho ngành dầu khí làm mũi nhọn phát triển, trở thành nhà cung cấp dịch vụ hậu cần cho ngành dầu khí lớn của Việt Nam và khu vực.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty
Không có.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

Bảng 41. Danh sách thành viên HĐQT

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó tổng giám đốc	Thành viên HĐQT Điều hành
2	Ông Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành
3	Ông Lê Đăng Phúc	Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT Điều hành

Nguồn: CTCP Dịch vụ biển Tân Cảng

Lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị:

1.1 Ông Nguyễn Văn Hạnh - Chủ tịch HĐQT

1. Họ và tên : Nguyễn Văn Hạnh
2. Giới tính : Nam.
3. Ngày tháng năm sinh : 28-09-1964
4. Nơi sinh : Hải Phòng
5. CMND/Hộ chiếu : 024378576 do CA TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 17/03/2012.
6. Quốc tịch : Việt Nam.
7. Dân tộc : Kinh.
8. Địa chỉ thường trú : Số 506 Ngô Gia Tự, Phường 9, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.
9. Số điện thoại liên hệ : (+84) 8.3914.3982
10. Trình độ học vấn: : Thạc sỹ
11. Quá trình công tác: :
 - Từ 1993-2004 Tàu HQ503, Lữ đoàn 125 Hải Quân Phó Thuyền Trưởng

- | | | |
|-------------------|---|-------------------|
| - Tháng 07/2006 | Phòng kế hoạch khai thác , Quân Cảng | Phó Trưởng Phòng |
| - Từ 2007-2012 | Sài Gòn | |
| | Phòng Quân sự bảo vệ, Quân Cảng Sài Gòn | Trưởng Phòng |
| - Từ 2013 đến nay | Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Phó Tổng giám đốc |
| - Từ 2021 đến nay | CTCP Dịch Vụ Biển Tân Cảng | Chủ tịch HĐQT |
12. Chức vụ công tác hiện nay:
- Chức vụ tại tổ chức ĐKGD : Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch Vụ Biển Tân Cảng.
 - Chức vụ tại tổ chức khác : Phó Tổng giám đốc-Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
13. Tổng số cổ phần nắm giữ : 9.359.817 cổ phần, chiếm 35,32% vốn điều lệ.
- Trong đó:
- Đại diện sở hữu cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (Theo QĐ số 29/QĐ-HĐTV ngày 06/01/2021 của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn) : 9.349.200 cổ phần, chiếm 35,28% vốn điều lệ.
 - Cá nhân sở hữu : 10.617 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ.
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.
15. Sở hữu chứng khoán Công ty của những người có liên quan : Không có
16. Những khoản nợ đối với Công ty : Không có.
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Thù lao HĐQT.
18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có.

1.2 Ông Nguyễn Sơn – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- | | | |
|---|---------------------|---|
| 1 | Họ và tên | : Nguyễn Sơn. |
| 2 | Giới tính | : Nam. |
| 3 | Ngày tháng năm sinh | : 29/07/1974. |
| 4 | Nơi sinh | : Đông Sơn, Thanh Hóa. |
| 5 | CMND | : 031570798 do CA Hải Phòng cấp ngày 26/7/2013. |
| 6 | Quốc tịch | : Việt Nam. |

- 7 Dân tộc : Kinh.
- 8 Địa chỉ thường trú : B116 Khu đô thị Sao đỏ, phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng
- 9 Số điện thoại liên hệ : (+84) 8.3914.3982
- 10 Trình độ học vấn: : Thạc sỹ Kinh tế
- 11 Quá trình công tác: :
- | | | |
|------------------|---|--------------------------------|
| Từ 1998 - 2005 | Phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty 128 - Bộ quốc phòng | Trợ lý giám đốc, Phó phòng |
| Từ 2005 - 2008 | Trung tâm tư vấn du học - Trường Đại học Hải Phòng | Giảng viên chính, Giám đốc |
| Từ 04/2008 - nay | Công ty cổ phần đầu tư quản lý tài sản Á Châu | Tổng Giám đốc |
| Từ 03/2012 - nay | Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Từ 03/2016 - nay | Công ty cổ phần cơ khí xây dựng AMECC | Thành viên Hội đồng quản trị |
- 12 Chức vụ công tác hiện nay:
- Chức vụ tại tổ chức ĐKGD : Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Dịch Vụ Biển Tân Cảng.
 - Chức vụ tại công ty khác : Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần đầu tư quản lý tài sản Á Châu
Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần cơ khí xây dựng AMECC
- 13 Tổng số cổ phần nắm giữ : 245.000 CP tương đương 0,9245% vốn điều lệ.
Trong đó
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Cá nhân sở hữu : 245.000 CP tương đương 0,9245% vốn điều lệ.
- 14 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.
- 15 Sở hữu chứng khoán Công ty của những người có liên quan : 735.000 CP tương đương 2,77% vốn điều lệ.
- Cụ thể
Chị gái: Nguyễn Minh Thương 735.000 CP tương đương 2,77% vốn điều lệ

- 16 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có.
17 Lợi ích liên quan với Công ty : Thù lao HĐQT.
18 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có.

1.3 Ông Lê Đăng Phúc – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

1. Họ và tên : Lê Đăng Phúc.
2. Giới tính : Nam.
3. Ngày tháng năm sinh : 20/01/1976.
4. Nơi sinh : Hải Phòng.
5. CMND : 031076006648 do CA Hải Phòng cấp ngày 12/06/2018.
6. Quốc tịch : Việt Nam.
7. Dân tộc : Kinh.
8. Địa chỉ thường trú : Nam Sơn, Đằng Giang, Hải Phòng.
9. Số điện thoại liên hệ : (+84) 8.3914.3982
10. Trình độ học vấn: : Tiến sỹ Hàng hải - Tổ chức quản lý vận tải.

11. Quá trình công tác:

- | | | | |
|---|----------------|---|--------------------------|
| - | Từ 1997 - 1999 | Maersk Line Hà Nội | Nhân viên phòng Hàng Hải |
| - | Từ 1999 - 2009 | Công ty VietFracht Hải Phòng | Phó giám đốc |
| - | Từ 2009 - 2012 | Công ty CP Đầu tư và Quản lý Tài Sản Á Châu | Phó Tổng giám đốc |
| - | Từ 2012 – nay | Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng | Giám đốc, Ủy viên HĐQT |
| - | Từ 2015 – nay | Công ty CP Bay và du lịch biển Tân Cảng | Chủ tịch HĐQT |
| - | Từ 2018 – nay | Công ty CP Hàng Hải Tân Cảng Miền Bắc | Chủ tịch HĐQT |
| - | Từ 2017 – nay | Công ty CP Vận Tải Biển Tân Cảng | Thành viên HĐQT |

12. Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức ĐKGD : Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Chức vụ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bay và du lịch biển Tân Cảng.
Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hàng Hải Tân Cảng Miền Bắc
Thành viên HĐQT Công ty CP Vận Tài Biển Tân Cảng
13. Tổng số cổ phần nắm giữ : 1.257.667 CP tương đương 4,75% vốn điều lệ.
Trong đó
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu : 1.257.667 cổ phần, chiếm 4,75% vốn điều lệ.
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.
15. Sở hữu chứng khoán Công ty của những người có liên quan : 1.837.501 tương đương 6,93% vốn điều lệ.
Cụ thể:
Mẹ: Nguyễn Thị Băng : 939.167 cổ phần, chiếm 3,54% vốn điều lệ.
Em trai: Lê Đăng Phong : 81.667 cổ phần, chiếm 0,31% vốn điều lệ.
Chị gái: Lê Thị Thu : 816.667 cổ phần, chiếm 3,08% vốn điều lệ.
16. Những khoản nợ đối với Công ty : Không có.
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Thù lao HĐQT, Lương điều hành.
18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có.

2. Cơ cấu, thành phần của Ban kiểm soát

Bảng 42. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phạm Huy Vũ	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Gấm	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên Ban kiểm soát

Nguồn: CTCP Dịch Vụ Biển Tân Cảng

Lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát:

2.1 Ông Phạm Huy Vũ – Trưởng Ban Kiểm soát

1. Họ và tên : Phạm Huy Vũ.
2. Giới tính : Nam.

3. Ngày tháng năm sinh : 14/05/1985.
4. Nơi sinh : Thái Nguyên.
5. CMND : 023860724 do CA TP.HCM cấp ngày 07/06/2011.
6. Quốc tịch : Việt Nam.
7. Dân tộc : Kinh.
8. Địa chỉ thường trú : 212/170/6C Nguyễn Văn Nguyễn, Phường Tân Định, Q1, TP.HCM.
9. Số điện thoại liên hệ : (+84) 8.3914.3982
10. Trình độ học vấn: : Cử nhân Kế toán Kiểm toán.
11. Quá trình công tác :
- | | | |
|-------------------|--|-----------------------------|
| Từ 2007 - 2010 | Công ty TNHH Kiểm toán CPA Hà Nội - Chi Nhánh HCM | Kiểm toán viên |
| Từ 2010 - 2013 | Trung tâm Sài Gòn Ô Tô Bến Thành | Kế toán trưởng |
| Từ 2013 - 2018 | Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng | Phó Phòng Tài chính Kế Toán |
| Từ 2018 - 07/2019 | Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Bay và Du Lịch Biển Tân Cảng | Kế Toán trưởng |
| Từ 2018 - nay | Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng | Trưởng Ban Kiểm Soát |
| Từ 2018 - nay | Công Ty Cổ Phần Hàng Hải Tân Cảng Miền Bắc | Kế Toán trưởng |
| Từ 2018 - nay | Công ty Cổ Phần Đầu tư Tân Cảng - Lạch Huyện | Kế Toán trưởng |
12. Chức vụ công tác hiện nay: :
- Chức vụ tại tổ chức ĐKGD : Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Dịch Vụ Biển Tân Cảng.
- Chức vụ tại tổ chức khác : Kế Toán trưởng Công Ty Cổ Phần Hàng Hải Tân Cảng Miền Bắc
Kế Toán trưởng Công ty Cổ Phần Đầu tư Tân Cảng - Lạch Huyện

13. Tổng số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
Trong đó
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.
15. Sở hữu chứng khoán Công ty của những người có liên quan : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
16. Những khoản nợ đối với Công ty : Không có.
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Thù lao Ban Kiểm Soát.
18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có.

2.2 Bà Nguyễn Thị Gấm – Thành viên Ban Kiểm soát

1. Họ và tên : Nguyễn Thị Gấm.
2. Giới tính : Nữ.
3. Ngày tháng năm sinh : 30/09/1983.
4. Nơi sinh : Thái Bình.
5. CMND : 025878091 do CA. TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 14/12/2013.
6. Quốc tịch : Việt Nam.
7. Dân tộc : Kinh.
8. Địa chỉ thường trú : Tổ 6 Ấp Bàu Điều Thượng, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Số điện thoại liên hệ : (+84) 8.3914.3982
10. Trình độ học vấn: : Thạc sỹ Luật, Luật sư.
11. Quá trình công tác :
- | | | |
|----------------|------------------------|---|
| Từ 2007 - 2008 | Công ty TNHH Công Minh | Chuyên viên pháp chế kiêm Trợ lý Giám đốc |
| Từ 2009 - 2014 | Công ty Cổ phần Đệ Tam | Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Trưởng ban Đầu tư Tài chính |

Từ Từ 2015 - nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng	Trưởng ban Pháp chế kiêm Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Thư ký HĐQT
Từ 2015 - nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân cảng	Thành viên BKS

Chức vụ công tác hiện nay:

12. - Chức vụ tại tổ chức ĐKGD : Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Dịch Vụ Biển Tân Cảng.
- Chức vụ tại tổ chức khác : Trưởng ban Pháp chế kiêm Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Thư ký HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng
13. Tổng số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
Trong đó
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.
15. Sở hữu chứng khoán Công ty của những người có liên quan : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
16. Những khoản nợ đối với Công ty : Không có.
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Thù lao BKS.
18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có.

2.3 Bà Nguyễn Thị Bạch Cúc – Thành viên Ban Kiểm soát

1. Họ và tên : Nguyễn Thị Bạch Cúc.
2. Giới tính : Nữ.
3. Ngày tháng năm sinh : 13/12/1985.
4. Nơi sinh : Lâm Đồng.
5. CMND : 250571172 do CA Lâm Đồng cấp ngày 21/6/2014.
6. Quốc tịch : Việt Nam.
7. Dân tộc : Kinh.
8. Địa chỉ thường trú : Chung cư Krista, P.Bình Trưng Đông, Quận 2, TP.HCM.

9. Số điện thoại liên hệ : (+84) 8.3914.3982
10. Trình độ học vấn: : Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng.
11. Quá trình công tác :
- | | | |
|----------------------|--|--------------------------|
| Từ 09/2017 - 10/2008 | Ngân hàng TMCP Á Châu | Chuyên viên khách hàng |
| Từ 03/2011 - 12/2012 | Phòng Tài chính - Tổng Công ty Bến Thành - TNHH MTV | Chuyên viên tài chính |
| Từ 01/2013 - 04/2016 | Phòng Tài chính Kế toán - Công ty CP Dịch vụ Biển Tân Cảng | Chuyên viên tài chính |
| Từ 04/2016 - 12/2017 | Công ty CP Dịch vụ Biển Tân Cảng | Trưởng Ban kiểm soát |
| Từ 01/2018 - nay | Công ty CP Dịch vụ Biển Tân Cảng | Thư ký Tổng Giám đốc |
| Từ 01/2018 - nay | Công ty CP Dịch vụ Biển Tân Cảng | Thành viên Ban kiểm soát |
| Từ 2016 - nay | Công ty CP ICD Tân Cảng Sóng Thần | Thành viên BKS |
- Chức vụ công tác hiện nay:
12. - Chức vụ tại tổ chức ĐKGD : Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Thư ký giám đốc CTCP Dịch Vụ Biển Tân Cảng.
- Chức vụ tại tổ chức khác : Thành viên BKS Công ty CP ICD Tân Cảng Sóng Thần
13. Tổng số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Trong đó
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.
15. Sở hữu chứng khoán Công ty của những người có liên quan : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
16. Những khoản nợ đối với Công ty : Không có.
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Thù lao BKS.
18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có.

3. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Bảng 43. Danh sách Ban Tổng Giám đốc

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Đăng Phúc	Tổng Giám đốc
2	Ông Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Nguồn: CTCP Dịch Vụ Biển Tân Cảng

Lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc:

3.1 Ông Lê Đăng Phúc – Tổng Giám đốc

Xem sơ yếu lý lịch phần Hội đồng quản trị.

3.2 Ông Phạm Thanh Bình – Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên : Phạm Thanh Bình.
2. Giới tính : Nam.
3. Ngày tháng năm sinh : 23/11/1980.
4. Nơi sinh : Hải Phòng.
5. CMND : 031080005540 do Cục ĐKQL cấp ngày 11/10/2017.
6. Quốc tịch : Việt Nam.
7. Dân tộc : Kinh.
8. Địa chỉ thường trú : Kiến Phong, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng.
9. Số điện thoại liên hệ : (+84) 8.3914.3982
10. Trình độ học vấn: : Kỹ sư sửa chữa máy tàu biển.
11. Quá trình công tác :

Từ 2003 - 2009	Cty TNHH MTV Công nghệ tàu thuyền Bến Kiền	Phó phòng kiểm soát chất lượng sản phẩm
Từ 2009 - 2012	Công ty Cổ phần Đầu Tư Hàng Hải Á Châu Ashico	Phó ban Hàng Hải - Kỹ Thuật
Từ 2012 - 2013	Mosetide Marine Singapore Ltd	Trưởng ban Hàng hải
Từ 2013 - 2017	Công ty CP Dịch vụ Biển Tân Cảng	Trưởng phòng Hàng Hải - Kỹ Thuật

Từ 2017 - nay Công ty CP Dịch vụ Biển Tân Cảng Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ công tác hiện nay:

12. - Chức vụ tại tổ chức ĐKGD : Phó Tổng Giám đốc CTCP Dịch Vụ Biển Tân Cảng.
- Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
13. Tổng số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
Trong đó
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.
15. Sở hữu chứng khoán Công ty của những người có liên quan : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
16. Những khoản nợ đối với Công ty : Không có.
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Lương điều hành.
18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có.

3.3 Ông Nguyễn Mạnh Cường – Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên : Nguyễn Mạnh Cường.
2. Giới tính : Nam.
3. Ngày tháng năm sinh : 06/02/1962.
4. Nơi sinh : Hải Phòng.
5. CMND : 031062004653 do CA Hải Phòng cấp ngày 27/12/2017.
6. Quốc tịch : Việt Nam.
7. Dân tộc : Kinh.
8. Địa chỉ thường trú : Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
9. Số điện thoại liên hệ : (+84) 8.3914.3982
10. Trình độ học vấn: : Kỹ sư máy tàu thủy
Cử nhân máy trưởng tàu biển.
11. Quá trình công tác :

Từ 1984 - 1993	Công ty vận tải và thuê tàu biển Việt Nam	
Từ 1993 - 2006	Công ty Cổ phần Đầu Tư Hàng Hải Á Châu Ashico	Phó ban Hàng Hải - Kỹ Thuật
Từ 2012 - 2013	Mosetide Marine Singapore Ltd	Trưởng ban Hàng hải
Từ 2013 - 2017	Công ty CP Dịch vụ Biển Tân Cảng	Trưởng phòng Hàng Hải - Kỹ Thuật
Từ 2017 - nay	Công ty CP Dịch vụ Biển Tân Cảng	Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ công tác hiện nay:

12. - Chức vụ tại tổ chức ĐKGD : Phó Tổng Giám đốc CTCP Dịch Vụ Biển Tân Cảng.
- Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
13. Tổng số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
Trong đó
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.
15. Sở hữu chứng khoán Công ty của những người có liên quan : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
16. Những khoản nợ đối với Công ty : Không có.
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Lương điều hành.
18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có.

3.4 Ông Nguyễn Quốc Dũng – Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên : Nguyễn Quốc Dũng.
2. Giới tính : Nam.
3. Ngày tháng năm sinh : 11/12/1967.
4. Nơi sinh : Hà Nội.
5. CMND : 022018195 do CA TP.HCM cấp ngày 10/8/2011.
6. Quốc tịch : Việt Nam.
7. Dân tộc : Kinh.

8. Địa chỉ thường trú : Tân Định, Q1, TP.HCM.
9. Số điện thoại liên hệ : (+84) 8.3914.3982
10. Trình độ học vấn: : Kỹ sư máy tàu thủy
Cử nhân máy trường tàu biển.
11. Quá trình công tác :
- | | | |
|----------------|--|-----------------------------------|
| Từ 1991 - 2008 | Trung tâm đầu tư nước ngoài khu vực phía Nam, Bộ Kế Hoạch & Đầu tư | Trưởng phòng đầu tư |
| Từ 2008 - 2013 | Công ty Indochina Capital | Giám đốc phát triển dự án |
| Từ 2013 - 2017 | Công ty Liên doanh Vietgazprom | Chuyên viên kinh tế phát triển mỏ |
| Từ 2017 - nay | Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng | Phó Tổng Giám đốc |
- Chức vụ công tác hiện nay:
12. - Chức vụ tại tổ chức ĐKGD : Phó Tổng Giám đốc CTCP Dịch Vụ Biển Tân Cảng.
- Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
13. Tổng số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Trong đó
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.
15. Sở hữu chứng khoán Công ty của những người có liên quan : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
16. Những khoản nợ đối với Công ty : Không có.
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Lương điều hành.
18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có.

4. Kế toán trưởng

Bảng 44. Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng

Nguồn: CTCP Dịch Vụ Biển Tân Cảng

Lý lịch Kế toán trưởng:

1. Họ và tên : Vũ Quang Tiến.
2. Giới tính : Nam.
3. Ngày tháng năm sinh : 08/10/1987.
4. Nơi sinh : Nam Định
5. CMND : 036087003400
6. Quốc tịch : Việt Nam.
7. Dân tộc : Kinh.
8. Địa chỉ thường trú : An Phú, Q.2, Tp.HCM
9. Số điện thoại liên hệ : (+84) 8.3914.3982
10. Trình độ học vấn: : Cử nhân Tài chính – Ngân hàng.
11. Quá trình công tác: :

Từ 6/2009 – 11/2010	Ngân hàng Liên Việt Post Bank	Chuyên viên kế toán hội sở
Từ 11/2010 – 3/2012	TCT Tân Cảng Sài Gòn	Chuyên viên kế toán
Từ 3/2012 - Nay	CTCP Dịch Vụ Biển Tân Cảng	Kế toán trưởng
12. Chức vụ công tác hiện nay:
 - Chức vụ tại tổ chức ĐKGD : Kế toán trưởng CTCP Dịch Vụ Biển Tân Cảng.
 - Chức vụ tại tổ chức khác : Không có.
13. Tổng số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Trong đó

 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.
15. Sở hữu chứng khoán Công ty của những người có liên quan : 137.567 cổ phần, chiếm 0,52% vốn điều lệ.

Cụ thể:

Vợ: Nguyễn Thị Yến : 137.567 CP tương đương 0,52% vốn điều lệ

- 16. Những khoản nợ đối với Công ty : Không có.
- 17. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Lương theo quy định.
- 18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có.

5. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Nhằm thực hiện mục tiêu tăng cường hiệu quả bộ máy quản lý, Công ty đã triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 cho toàn bộ đội tàu dịch vụ, tàu lai kéo và các sà lan biển. Hệ thống ISO 9001 đã được Đơn vị kiểm soát chất lượng DNV-GL trao chứng nhận vào tháng 3 năm 2019. Ngoài ra, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường tàu dịch vụ dầu khí trong nước và khu vực, Công ty cũng đã bắt đầu và tiếp tục triển khai hệ thống quản lý tàu OVID (Offshore Vessel Inspection Database) cho các tàu dịch vụ dầu khí đa năng hiện đang hoạt động cho các nhà thầu khai thác dầu khí và triển khai tham gia hiệp hội IMCA (International Marine Contractors Association) cho các hoạt động khảo sát ngầm sử dụng thiết bị điều khiển từ xa (Remote Operating Vehicle).

Ngoài ra, Công ty cũng bắt đầu thí điểm áp dụng hệ thống đánh giá & quản lý nhân sự bằng KPI với mục tiêu thiết lập một hệ thống quản lý và đánh giá hiệu quả làm việc cho nhân viên công ty một cách công bằng, hiệu quả. Dự kiến sẽ hoàn thành và áp dụng cho toàn hệ thống công ty vào cuối năm 2019.

6. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Bảng 45. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Số lượng chứng khoán sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Mối quan hệ liên quan với công ty
1	Nguyễn Văn Hạnh		Chủ tịch HĐQT	024378576 Do CA TPHCM cấp ngày 17/03/2012	Số 506 Ngô Gia Tự, Phường 9, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	27/02/2021	10.617	0,04%	Người nội bộ
1.1	Nguyễn Thị Nhật Hải				Số 506 Ngô Gia Tự, Phường 9, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	27/02/2021	0	0	Vợ
1.2	Nguyễn Quang Huy				Số 506 Ngô Gia Tự, Phường 9, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	27/02/2021	0	0	Con
1.3	Nguyễn Trí Hiến				Số 506 Ngô Gia Tự, Phường 9, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	27/02/2021	0	0	Con
1.4	Nguyễn Văn Cội								Bố đẻ

2.	Nguyễn Sơn		Phó chủ tịch HĐQT	031570798 do CA Hải Phòng cấp ngày 26/7/2013.	B116 Khu đô thị Sao đỏ, phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.	20/03/2012	245.000	0.92%	Người nội bộ
2.1	Lê Thị Ngọc Hòa				B116 Khu đô thị Sao đỏ, phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.	20/03/2012	0	0	Vợ
2.2	Nguyễn Hoàn					20/03/2012	0	0	Bố đẻ
2.3	Lê Thị Ân					20/03/2012	939.167	3,54%	Mẹ đẻ
2.4	Nguyễn Minh Thương					20/03/2012	735.000	2,77%	Chị gái
2.5	Đoàn Thanh Long					20/03/2012	0	0	Anh rể
2.6	Nguyễn Xuân Quý					20/03/2012	0	0	Em trai
2.7	Nguyễn Thị Thanh Hà					20/03/2012	0	0	Em dâu
2.8	Nguyễn Hoàng Phong				B116 Khu đô thị Sao đỏ, phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	20/03/2012	0	0	Con

2.9	Nguyễn Trường An				B116 Khu đô thị Sao đỏ, phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	20/03/2012	0	0	Con
2.10	Công ty CP Đầu tư và Quản lý tài sản Á Châu			0200809729 11/04/2008 Sở KHĐT Thành phố Hải Phòng	Tầng 7, Tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	20/03/2012	0	0	Công ty mà trong đó Người nội bộ là Tổng Giám Đốc
3.	Lê Đăng Phúc		TV HDQT, Tổng Giám đốc, Người, đại diện pháp luật	031076006648 do CA Hải Phòng cấp ngày 12/06/2018	Nam Sơn, Đăng Giang, Hải Phòng	20/03/2012	1.257.667	4,75%	Người nội bộ
3.1	Nguyễn Thị Băng					20/03/2012	939.167	3,54%	Mẹ đẻ
3.2	Lê Văn Phúng					20/03/2012	0	0	Bố đẻ
3.3	Lê Đăng Phong					20/03/2012	81.667	0,31%	Em trai
3.4	Lê Thị Thu					20/03/2012	816.667	3,08%	Chị gái

3.5	Trần Anh Giang					20/03/2012	0	0	Anh rể
3.5	Đoàn Thị Hải Bình				Nam Sơn, Đàng Giang, Hải Phòng	20/03/2012	0	0	Vợ
3.6	Lê Phúc Hưng				Nam Sơn, Đàng Giang, Hải Phòng	20/03/2012	0	0	Con
3.7	Lê Đăng Hiếu				Nam Sơn, Đàng Giang, Hải Phòng	20/03/2012	0	0	Con
3.8	Đoàn Đức Thành								Bố vợ
3.9	Nguyễn Thị Thủy								Mẹ Vợ
4.	Phạm Huy Vũ		Trưởng Ban kiểm soát	023860724 do CA TP.HCM cấp ngày 07/06/2011	212/170/6C Nguyễn Văn Nguyễn, Phường Tân Định, Q1, TP.HCM	27/04/2018	0	0	Người nội bộ
4.1	Phạm Tuấn Hòa					27/04/2018	0	0	Bố đẻ
4.2	Đỗ Thị Hồi				212/170/6C Nguyễn Văn Nguyễn, Phường Tân Định, Q1, TP.HCM	27/04/2018	0	0	Mẹ đẻ

4.3	Phạm Tuấn Minh				212/170/6C Nguyễn Văn Nguyễn, Phường Tân Định, Q1, TP.HCM	27/04/20218	0	0	Con
5.	Nguyễn Thị Gấm		Thành viên BKS/Người được ủy quyền CBTT	025878091 do CA. TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 14/12/2013	Tổ 6 Ấp Bàu Điều Thượng, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	26/04/20217	0	0	Người nội bộ
5.1	Nguyễn Văn Báo					26/04/20217	0	0	Bố đẻ
5.2	Nguyễn Thị Lan					26/04/20217	0	0	Mẹ
5.3	Nguyễn Thị Bích Hồng					26/04/20217	0	0	Em gái
5.4	Phạm Nguyễn Thanh Toàn					26/04/20217	0	0	Em Rể
5.5	Nguyễn Văn Thắng					26/04/20217	0	0	Em trai
5.6	Lưu Thị Bích Ngọc					26/04/20217	0	0	Em dâu
5.5	Nguyễn Thị Huệ					26/04/20217	0	0	Em gái

5.6	Lê Hoàng				Tổ 6 Ấp Bàu Điều Thượng, xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	26/04/20217	0	0	Con
5.7	Lê Hoàng Phát				Tổ 6 Ấp Bàu Điều Thượng, xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	26/04/20217	0	0	Con
6.	Nguyễn Thị Bạch Cúc		Thành viên BKS	250571172 do CA Lâm Đồng cấp ngày 21/6/2014	Chung cư Krista, P.Bình Trưng Đông, Quận 2, TP.HCM	26/04/20217	0	0	Người nội bộ
6.1	Nguyễn Đông					26/04/20217	0	0	Bố đẻ
6.2	Trần Thị Hoa					26/04/20217	0	0	Mẹ đẻ
6.3	Nguyễn Thị Hoàng Lan					26/04/20217	0	0	Chị
6.4	Nguyễn Thị Hồng Nhung					26/04/20217	0	0	Chị
6.5	Nguyễn Thành Vũ				Chung cư Krista, P.Bình Trưng Đông, Quận 2, TP.HCM	26/04/20217	0	0	Chồng
6.6	Nguyễn Thùy Ngân				Chung cư Krista, P.Bình Trưng Đông, Quận 2, TP.HCM	26/04/20217	0	0	Con

6.7	Nguyễn Hạnh Nguyên				Chung cư Krista, P.Bình Trưng Đông, Quận 2, TP.HCM	26/04/20217	0	0	Con
6.8	Nguyễn Ái An Vy				Chung cư Krista, P.Bình Trưng Đông, Quận 2, TP.HCM	26/04/20217	0	0	Con
6.9	Nguyễn Trà								Bố chồng
6.10	Trần Thị Huệ								Mẹ chồng
7.	Nguyễn Mạnh Cường		Phó Tổng Giám đốc	031062004653 do CA Hải Phòng cấp ngày 27/12/2017	Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	01/06/2019	0	0	Người nội bộ
7.1	Vũ Thị Hiền				Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	01/06/2019	0	0	Mẹ đẻ
7.2	Nguyễn Thị Kim Dung				Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	01/06/2019	0	0	Vợ
7.3	Nguyễn Duy Quang				Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	01/06/2019	0	0	Con
7.4	Nguyễn Thị Ngọc Minh				Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	01/06/2019	0	0	Con

8.	Nguyễn Quốc Dũng		Phó Tổng Giám đốc	022018195 do CA TPHCM cấp ngày 10/8/2011	Tân Định, Q1, TP.HCM	08/11/2017	0	0	Người nội bộ
8.1	Đình Thanh Thương					08/11/2017	0	0	Mẹ đẻ
8.2	Nguyễn Thị Minh Hà					08/11/2017	0	0	Em gái
8.3	Nguyễn Thị Thúy Hồng				Tân Định, Q1, TP.HCM	08/11/2017	0	0	Vợ
8.4	Nguyễn Phúc Hồng Anh				Tân Định, Q1, TP.HCM	08/11/2017	0	0	Con
8.5	Nguyễn Phúc Tường Anh				Tân Định, Q1, TP.HCM	08/11/2017	0	0	Con
9.	Phạm Thanh Bình		Phó Tổng Giám đốc	031080005540 do Cục ĐKQL cấp ngày 11/10/2017	Kiến Phong, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng	29/03/2018	0	0	Người nội bộ
9.1	Phạm Văn Hòa					29/03/2018	0	0	Bố đẻ
9.2	Phạm Thị Tâm					29/03/2018	0	0	Mẹ đẻ

9.3	Phạm Thị Hồng Minh					29/03/2018	0	0	Em gái
9.4	Phạm Thị Bích Thơm				Kiến Phong, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng	29/03/2018	0	0	Vợ
9.5	Phạm Châu Thành				Kiến Phong, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng	29/03/2018	0	0	Con
9.6	Phạm Hoài Thu				Kiến Phong, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng	29/03/2018	0	0	Con
9.7	Phạm Văn Bê								Bố vợ
9.8	Trương Thị Khấn								Mẹ Vợ
10	Vũ Quang Tiến		Kế Toán Trưởng	030687003400 do CTCCS-ĐKQLCT&D LQGVDC cấp ngày 17/05/2017	CC 17,3 ha, An Phú, Q.2, Tp.HCM	28/10/2013	0	0	Người nội bộ
10.1	Vũ Đức Hiệu					28/10/2013	0	0	Bố đẻ
10.2	Phạm Thị Nga					28/10/2013	0	0	Mẹ đẻ
10.3	Nguyễn Thị Yên				CC 17,3 ha, An Phú, Q.2, Tp.HCM	28/10/2013	137.567	0,52%	Vợ
10.4	Vũ Phương Anh				CC 17,3 ha, An Phú, Q.2, Tp.HCM	28/10/2013	0	0	Con

10.5	Vũ Nhật Nam				CC 17,3 ha, An Phú, Q.2, Tp.HCM	28/10/2013	0	0	Con
10.6	Nguyễn Năng Phổ								Bố vợ
10.7	Nguyễn Thị Minh								Mẹ vợ

7. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định (các giao dịch liên quan phát sinh trong năm và kỳ gần nhất)

Bảng 46. Giao dịch vay – trả nợ vay

TT	Giao dịch	Mối quan hệ	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	Quý I/2021
1.	Các khoản vay				
	Công ty CP Tân Cảng Kiên Giang	Công ty con	-	5.024.545.000	-
	Đoàn Thị Hải Bình	Vợ Tổng Giám Đốc	-	10.000.000.000	-
	Lê Thị Thu	Chị gái Tổng Giám Đốc	-	7.120.000.000	-
2.	Trả gốc vay				-
	Công ty CP Tân Cảng Kiên Giang	Công ty con	1.000.000.000	0	7.120.000.000

(Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2020, Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

Bảng 47. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên chủ chốt năm 2020

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Hội đồng quản trị					
Ngô Trọng Phấn	Chủ tịch	-	-	600.000.000	600.000.000
Nguyễn Sơn	Thành viên	-	-	500.000.000	500.000.000
Lê Đăng Phúc	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	926.640.000	111.667.525	400.000.000	1.438.307.525
Ban Kiểm soát					
Phạm Huy Vũ	Trưởng Ban	441.600.000	48.967.525	30.000.000	520.567.525
Nguyễn Thị Gấm	Thành viên	504.000.000	65.610.250	50.000.000	619.610.250
Nguyễn Thị	Thành viên	390.000.000	31.851.890	30.000.000	451.851.890

Bạch Cúc					
Ban Tổng Giám đốc					
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	550.800.000	71.498.720	-	622.298.720
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	550.800.000	76.557.175	-	627.357.175
Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	550.800.000	71.760.625	-	622.560.625
Cộng		3.914.640.000	477.913.710	1.610.000.000	6.002.553.710

(Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2020 Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên chủ chốt Quý I/2021

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Hội đồng quản trị					
Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch			-	-
Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch			60.000.000	60.000.000
Nguyễn Sơn	Thành viên			50.000.000	50.000.000
Lê Đăng Phúc	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	231.660.000	59.000.000	40.000.000	330.660.000
Ban Kiểm soát					
Phạm Huy Vũ	Trưởng Ban	110.400.000	75.400.000		185.800.000
Nguyễn Thị Gấm	Thành viên	126.000.000	79.800.000		205.800.000
Nguyễn Thị	Thành	97.500.000	79.800.000		177.300.000

Bạch Cúc	viên				
Ban Tổng Giám đốc					
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	137.700.000	93.000.000		230.700.000
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	137.700.000	93.000.000		230.700.000
Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	137.700.000	93.000.000		230.700.000
Cộng		978.660.000	573.000.000	150.000.000	1.701.660.000

Nguồn: Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng

Bảng 48. Giao dịch với các bên liên quan khác với Tập đoàn

STT	Giao dịch	Mối quan hệ	Năm 2020 (đồng)	Quý I/2021
1.	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông lớn		
	Tiền thuê đất phải nộp	-	-	-
	Chia cổ tức	-	21.503.160.000	-
2.	Sử dụng dịch vụ của các đơn vị cung cấp			
	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông lớn	2.515.584.413	25.208.000
	Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng		12.295.576	-
	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn	3.669.481.065	71.208.500
	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn	929.983.500	-
	Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	Công ty cùng Tập đoàn	1.613.531.263	-
	Công ty TNHH Tân Cảng – Petro Cam Ranh	Công ty cùng Tập đoàn	7.920.000.000	2.871.000.000
	Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	-	-	-

(Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2020, BCTC hợp nhất quý I/2021 Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

Bảng 49. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

STT	Giao dịch	Năm 2019	Năm 2020	Quý I/2021
1	Doanh thu cho thuê tài sản cho các đơn vị			
	Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	241.644.718.039	227.644.718.039	34.621.479.544
	Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tân Cảng – Cái Mép Thị Vải	60.000.000.000	60.000.000.000	16.500.000.000
	Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép	-	746.785.000	2.953.500.000
	Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	-	706.431.600	-
	Công ty TNHH Một thành viên 128	-	3.816.722.727	-
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các đơn vị			-
	Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	41.930.825.369	49.866.308.748	-
	Công ty TNHH Tân Cảng – PETRO Cam Ranh	2.053.636.363	283.727.273	-
	Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	-	70.539.913.720	-
	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	6.000.000.000	-	-
	Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS – Cát Lái	210.000.000	84.000.000	23.100.000

(Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2020, BCTC hợp nhất quý I/2021 Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

Bảng 50. Đầu tư vào công ty liên kết

STT	Công ty	Năm 2019	Năm 2020	Quý I/2021
1	Công ty Cổ phần Du lịch – Giải trí Saigon Today	2.571.842.752	1.000.000.000	1.000.000.000

(Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2020, BCTC hợp nhất quý I/2021 Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

Bảng 51. Phải thu các bên liên quan

Các bên liên quan	31/12/2020	31/3/2021
Phải thu ngắn hạn khách hàng	392.733.775.027	293.253.299.443
Phải thu các bên liên quan	106.014.425.877	70.618.141.224
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	81.347.095.815	47.058.291.224
Công ty TNHH Tân Cảng – Petro Cam Ranh	312.100.000	312.100.000
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tân Cảng – Cái Mép Thị Vải	16.500.000.000	19.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Mitsui	-	2.278.750.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép	821.463.500	1.969.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	488.074.760	-
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	6.545.691.802	-
Phải thu các khách hàng khác	286.719.349.150	222.635.158.219
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP HÒA PHÁT DUNG QUẤT	-	7.051.996.895
HANARO SHIPPING CO.,LTD	-	748.950.000
CÔNG TY TNHH CẢNG CÔNG-TEN-NƠ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG	-	12.398.039.674
Liên doanh Việt Nga Vietsovetpetro	39.832.688.394	32.913.784.789
Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	21.165.016.795	13.986.374.678
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí Biển PTSC	70.902.965.492	40.876.842.877
Zhoushan Hongjie Ocean Engineering	28.963.169.430	-

Co.,Ltd,		
Các khách hàng khác	125.855.509.039	114.659.169.306
Phải thu ngắn hạn khác	26.059.805.933	41.205.410.031
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>18.568.228.367</i>	<i>17.451.840.031</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng – Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh	18.568.228.367	17.451.840.031
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>7.491.577.566</i>	<i>23.753.570.000</i>
Các khoản ký quỹ	1.331.836.268	1.321.556.268
Tạm ứng	3.617.194.108	6.675.021.119
Thuế GTGT chờ khấu trừ	85.469.447	207.676.269
Phải thu tiền hỗ trợ nhân viên	180.500.000	154.441.982
Tiền giảm giá thuê canteen	200.454.545	-
Tài sản thiếu xử lý	127.518.764	-
Dự thu lãi tiền gửi	15.077.808	-
Tiền cổ tức ứng trước cho các cổ đông không liên quan	-	14.141.476.400
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.933.526.626	1.253.397.962
Phải thu dài hạn khác	29.339.021.578	29.343.021.578
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>20.848.453.078</i>	<i>20.848.453.078</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng – Tiền góp vốn Hợp tác kinh doanh	20.848.453.078	20.848.453.078
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>8.490.568.500</i>	<i>8.494.568.500</i>
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	8.490.568.500	8.494.568.500

(Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2020, BCTC hợp nhất quý I/2021 Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

Bảng 52. Phải trả các bên liên quan

Các bên liên quan	31/12/2020	31/3/2021
Phải trả người bán ngắn hạn	142.695.374.892	98.456.433.857
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>12.401.361.989</i>	<i>8.811.499.994</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.695.624.433	2.362.787.253
Công ty TNHH Tân Cảng – Petro Cam Ranh	4.851.000.000	2.970.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Hải sản Trường Sa	3.943.571.340	2.860.337.041
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	818.815.478	579.754.908
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	90.131.378	-
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	2.219.360	2.219.360
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	-	36.401.432
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>130.294.012.903</i>	<i>89.644.933.863</i>
Công ty TNHH Xăng dầu Long Sơn	-	-
Công ty Cổ phần Tàu dịch vụ Dầu khí HD Marine	12.227.355.921	12.227.355.921
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	7.217.756.244	5.008.462.392
Aussie Offshore Services Limited	13.744.973.998	13.744.973.998
Đình Văn Học	10.000.000.000	-
CÔNG TY TNHH CẢNG CÔNG-TEN-NO QUỐC TẾ HẢI PHÒNG	-	-
CÔNG TY TNHH BFC VẠN TƯỜNG	-	353.584.000
CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG	-	306.900.000
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU LAI DKC	-	566.500.000
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HẢI DUNG QUẤT	-	353.496.000

Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Đại Huệ	-	1.370.051.050
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thực phẩm Đông Nam	-	928.952.602
Bà Đặng Thị Cúc	-	874.594.160
Các nhà cung cấp khác	87.103.926.740	53.910.063.740
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	34.859.725	6.787.931.561
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ LOGISTICS VÀ TÀU BIỂN HẢI HUY OFFSHORE	-	924.400.000
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	-	-
Các nhà cung cấp khác	-	5.863.531.561
Trả trước của khách hàng khác	34.859.725	-
Phải trả ngắn hạn khác	35.063.587.618	10.897.449.711
Phải trả các bên liên quan	24.833.658.409	1.068.537.730
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	21.654.608.072	-
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>21.503.160.000</i>	-
<i>Khoản BHXH và khoản thu hộ phải trả</i>	<i>151.448.072</i>	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng – Chi phí dịch vụ	-	-
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	3.179.050.337	1.068.537.730
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	10.229.929.209	9.828.911.981
Tài sản thừa chờ giải quyết	87.587.588	-
Kinh phí công đoàn	291.416.895	297.919.669
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	312.758.593	631.835.206
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.565.699.000	4.725.700.000
Công ty Cổ phần Việt Nam Travelmart Đà Nẵng – Nhận vốn hợp tác kinh doanh	1.772.480.000	1.771.607.000
Các khoản chi hộ phải trả	1.520.209.305	-



C P *

Các khoản phải trả ngắn hạn khác	679.777.828	2.401.850.106
----------------------------------	-------------	---------------

(Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2020, BCTC hợp nhất quý I/2021 Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng)

V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

- Địa chỉ : Số 40 Giảng Võ, P. Kim Mã, Q. Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại : 024. 37367879 Fax: 024. 37367869
- Website : <https://a-c.com.vn>

VI. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. **Phụ lục II:** Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Dịch vụ biển Tân Cảng;
3. **Phụ lục III:** BCTC kiểm toán năm 2020 riêng, hợp nhất và BCTC Quý I/2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng.



Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **T. GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Hạnh



Lê Đăng Phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**



GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Nguyễn Thị Hạnh